

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC BỘT XUYÊN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

HÀ NỘI – 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC BỘT XUYÊN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Hương	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Kim Ngọc Thảo	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Trịnh Thị Hồng	NV bảo vệ	Thư ký hội đồng	
4	Bùi Văn Lân	Tổ phó tổ 4,5	Ủy viên hội đồng	
5	Lê Thị Thu	Tổ trưởng tổ 2+3	Ủy viên hội đồng	
6	Mai Thị Kiệm	Tổ trưởng tổ 1	Ủy viên hội đồng	
7	Vũ Thị Thu Hà	TPT Đội	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Thị Hồng Huệ	NV y tế	Ủy viên hội đồng	
9	Nguyễn Thị Mơ	NV kế toán	Ủy viên hội đồng	
10	Lê Tôn Toàn	NV thiết bị	Ủy viên hội đồng	
11	Đỗ Trường Giang	NV thư viện	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	18
I. Tự đánh giá Mức 1, Mức 2 và Mức 3	18
Tiêu chuẩn 1. Tổ chức và quản lý nhà trường	18
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	18
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	21
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	24
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	27
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học	31
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	34
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	37
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	39
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	42
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	44
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	49
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	50
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	52
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	55
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	58
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	61
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập	61

Tiêu chí 3.2: Phòng học	64
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị	67
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	69
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	72
Tiêu chí 3.6: Thư viện	75
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	78
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	78
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	81
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	85
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường	85
Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	88
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác	92
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học	95
Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục	98
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	101
Phần IV. PHỤ LỤC	104

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	ANTT	An ninh trật tự
2	BCH	Ban chấp hành
3	CBQL	Cán bộ quản lý
4	CBGVNV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
5	CMHS	CMHS
6	CBVC	Cán bộ viên chức
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CSVC	Cơ sở vật chất
9	CD	Cao đẳng
10	ĐH	Đại học
11	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
12	GD	Giáo dục
13	GV	Giáo viên
14	HS	Học sinh
15	HĐND	Hội đồng nhân dân
16	NV	Nhân viên
17	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
18	TBGD	Thiết bị giáo dục
19	TDTT	Thể dục thể thao
20	TĐG	Tự đánh giá
21	TNTP	Thiếu niên tiên phong
22	TC	Trung cấp
23	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		X	X	-----
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	-----
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 0.9		X	X	
Tiêu chí 10		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	-----
Tiêu chí 2.3		X	X	-----
Tiêu chí 2.4		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		X	X	-----
Tiêu chí 3.2		X	X	-----
Tiêu chí 3.3		X	X	-----
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	-----
Tiêu chí 3.6		X	X	-----
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		X	X	-----

Tiêu chí 4.2		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá theo Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		x	
Khoản 2, Điều 22		x	
Khoản 3, Điều 22		x	
Khoản 4, Điều 22		x	
Khoản 5, Điều 22		x	
Khoản 6, Điều 22		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Tiểu học Bội Xuyên

Tên trước đây (nếu có): Trường cấp I, II Bội Xuyên.

Phòng Giáo dục và Đào tạo: Huyện Mỹ Đức

Thành phố	Hà Nội	Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Hương
Huyện/quận /thị xã	Mỹ Đức	Điện thoại	0977221314
Xã / phường/thị trấn	Bội Xuyên	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia		Website	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1992	Số điểm trường	2
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Khối lớp 1	4	5	5	5	5
Khối lớp 2	5	4	4	5	4
Khối lớp 3	5	4	3	3	5
Khối lớp 4	3	4	4	3	3
Khối lớp 5	3	3	4	4	3
Cộng	20	20	20	20	20

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường:

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
I	Khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập	22	22	22	22	29	
1	Phòng học	20	20	20	20	20	
a	Phòng kiên cố	20	20	20	20	20	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	1	1	1	1	0	
2	Phòng bộ môn	0	0	0	0	5	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	5	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phòng hỗ trợ học tập	2	2	2	2	4	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	3	
b	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
e	Thư viện	1	1	1	1	1	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	4	4	4	4	11	
1	Phòng kiên cố					11	
2	Phòng bán kiên cố	3	3	3	3	0	

3	Phòng tạm	1	1	1	1	0	
III	Khối phòng phụ trợ.	2	2	2	2	9	
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	9	
2	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Các công trình, khối phòng khác	0	0	0	0	0	
	Cộng	28	28	28	28	49	

3. Cán bộ quản lý, GV, NV

a) Số liệu tại thời điểm TĐG (Trình độ đào tạo căn cứ theo Điều 72 Luật Giáo dục 2019)

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	1	0	
Phó Hiệu trưởng	1		0	0	1	0	
GV	32	27	0	18	14	0	14ĐH, 17CĐ, 1TC
NV	8	6	0	4	4	0	1ĐH, 1CĐ, 6TC
Cộng	42	34	0	22	20	0	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2016-2017	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Tổng số GV	38	37	37	34	32
2	Tỷ lệ GV/lớp	1,9	1,85	1,85	1,7	1,6
3	Tỷ lệ GV/HS	0,063	0,061	0,056	0,052	0,049

4	Tổng số GV dạy giỏi cấp huyện	2	2	2	2	2
5	Tổng số GV dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
6	Các số liệu khác					

4. HS

a) Số liệu chung:

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
1	Tổng số HS	600	599	660	643	650	
	- Nữ	288	292	317	299	307	
	- Dân tộc thiểu số	2	2	0	0	2	
	- Khối lớp 1	110	116	174	126	134	
	- Khối lớp 2	125	105	116	174	124	
	- Khối lớp 3	139	126	101	115	174	
	- Khối lớp 4	111	141	125	103	115	
2	Tổng số tuyển mới	113	116	174	123	132	
	Học 2 buổi/ngày	600	599	660	643	650	
	Bán trú	0	0	0	0	0	
	Nội trú	0	0	0	0	0	
	Bình quân số HS/lớp học	30	30	33	32,15	32,5	

7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	113 100%	121 100%	174 100%	123 100%	132 100%	
	- Nữ	56	62	82	53	61	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	1	2	
8	Tổng số HS giỏi cấp huyện/tỉnh	98	50	47	23	0	
9	Tổng số HS giỏi quốc gia	0	0	0	0	0	
10	Tổng số HS thuộc đối tượng chính sách	0	36	33	21	14	
	- Nữ	0	18	14	9	7	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
11	Tổng số HS (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	14	49	33	12	14	

b) Công tác phổ cập giáo dục Tiểu học và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%	98,8%	100%	100%	
Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học	99,3%	99,5%	99,7%	99,7%	99,8%	
Tỷ lệ HS 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học	100%	99,13%	100%	99,21%	100%	
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường.

Trường Tiểu học xã Bột Xuyên được thành lập từ năm 1992 theo quyết định số 413 QĐ/UB ngày 15 tháng 12 năm 1992 trên cơ sở tách ra từ trường phổ thông cơ sở Bột Xuyên xã Bột Xuyên. Điểm trường trung tâm (khu A) được đặt tại thôn Bột Xuyên, xã Bột Xuyên; điểm trường lẻ (khu B) được đặt tại thôn Lai Tảo xã Bột Xuyên cách điểm trường trung tâm 1,5km.

Trường có tổng diện tích 8225m² (Trong đó: Điểm trường khu trung tâm (khu A): có diện tích 5790m² với 1 khu ba tầng gồm các phòng khối hành chính, khối phòng hỗ trợ học tập và các phòng học chức năng; 1 khu hai tầng và 1 khu 1 tầng có 12 phòng học kiên cố; điểm lẻ (khu B): có diện tích 2435m² với 8 phòng học kiên cố và một số phòng thuộc khối phòng hành chính. Tuy CSVN chưa được đầy đủ nhưng mọi hoạt động của nhà trường luôn ổn định. Trong suốt quá trình thành lập và phát triển, các thế hệ thầy và trò đã cùng nhau bồi đắp nên những truyền thống đoàn kết, nhân ái, trung thực, kính thầy, yêu bạn; đặc biệt là truyền thống thầy dạy hay, trò học tốt.

Trong những năm qua, dưới sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT huyện Mỹ Đức, Đảng ủy, HĐND, UBND xã Bột Xuyên cùng với sự nỗ lực của CBGVNV và HS, sự ủng hộ và quan tâm tạo điều kiện của CMHS, nhà trường đã không ngừng phấn đấu vươn lên để tự khẳng định, hoàn thiện mình và cho đến nay đã lớn mạnh về mọi mặt. Nhà trường luôn bám sát nhiệm vụ chính trị được giao, thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT Hà Nội và Phòng GD&ĐT huyện Mỹ Đức. Nhà trường luôn thực hiện tốt Quy chế dân chủ trường học, các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường được xây dựng thành một khối đoàn kết, thống nhất cao. Kỷ luật cơ quan luôn được coi trọng trong mọi lúc, mọi nơi. Nhà trường tích cực phòng chống các tệ nạn xã hội. Công tác tài chính được thực hiện công khai, dân chủ, đúng, đủ theo quy định. Nhà trường thường xuyên chăm lo công tác giáo dục toàn diện cho HS. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT của trường luôn giành được giải cao trong các cuộc thi cấp huyện.

Tại thời điểm viết báo cáo trường có 20 lớp với 650 HS. Đội ngũ CBGVNV của nhà trường gồm 42 người, trong đó có 02 cán bộ quản lý, 08 NV, 32 GV trực tiếp đứng lớp (gồm 23 GV cơ bản, 09 GV chuyên biệt), 21 đảng viên. CBGVNV nhà trường có 17 người trình độ đại học, 18 người có trình độ cao đẳng và 7 người có trình độ trung cấp. Đội ngũ CBGVNV nhiệt huyết, năng động, tâm huyết với nghề nghiệp, yêu mến HS, được phụ huynh HS và nhân dân địa phương tin yêu.

Với sự phấn đấu vươn lên không ngừng của tập thể nhà trường, trong những năm qua nhà trường đã có những chuyển biến tích cực trong việc nâng cao chất lượng dạy và học, nhiều năm được công nhận đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

2. Mục đích TĐG.

Đáp ứng mục tiêu GD trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận nhà trường đạt kiểm định chất lượng GD.

Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho GD, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả GD để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá công nhận hoặc không công nhận nhà trường đạt chuẩn Quốc gia.

Làm rõ thực trạng quy mô, chất lượng và hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu các dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ của nhà trường phù hợp với tôn chỉ, mục đích và sứ mạng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Mục đích của việc TĐG này là nhằm xem xét mức độ đáp ứng của nhà trường về các tiêu chuẩn mà Bộ GD&ĐT đặt ra. Từ đó có một cái nhìn tổng thể về các hoạt động của nhà trường so với các Trường Tiểu học khác trên địa bàn huyện và thành phố.

Thông qua kết quả TĐG nhà trường xác định rõ tầm nhìn, các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức để đề xuất các chiến lược, kế hoạch, biện pháp nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ của cơ sở đào tạo liên tục phát triển. Kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và thẩm quyền, lãnh đạo địa phương chỉ đạo và cung cấp các biện pháp hỗ trợ cho nhà trường không ngừng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của mình.

Những thành tích nhà trường đã đạt được trong 05 năm học vừa qua.

*** Về tập thể:**

- 3 năm Chi bộ đạt: Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- 2 năm Công đoàn đạt danh hiệu: Công đoàn xuất sắc.
- 2 năm Liên đội đạt: Liên đội mạnh cấp huyện
- 3 năm nhà trường đạt danh hiệu: Tập thể lao động Tiên tiến

*** Về cá nhân HS:**

- Đạt giải cấp thành phố: 8 HS (Nội dung các cuộc thi vẽ tranh)
- Đạt giải cấp huyện: 218 HS.

*** Về GV:**

- *Cấp huyện:*
- + 10 GV dạy giỏi cấp huyện.

+ Cô giáo Vũ Thị Thu Hà – GV Mỹ thuật nhận danh hiệu “Nhà giáo tâm huyết sáng tạo”

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG của trường.

Căn cứ hướng dẫn công tác TĐG chất lượng GD của Bộ GD&ĐT, để đảm bảo chất lượng GD theo yêu cầu phát triển bền vững, giải pháp mang tính lâu dài là xây dựng văn hóa, chất lượng GD, Trường Tiểu học Bội Xuyên đã tiến hành TĐG chất lượng GD.

Nhà trường nghiêm túc thực hiện đúng quy trình mà Bộ GD&ĐT đã hướng dẫn. Sau khi CBQL nhà trường được dự tập huấn triển khai tự kiểm định chất lượng GD của Sở GD&ĐT Hà Nội, Phòng GD&ĐT huyện Mỹ Đức, nhà trường đã triển khai công tác TĐG chất lượng GD theo tiêu chuẩn của cấp Tiểu học đúng quy trình, đúng hướng dẫn của Sở GD&ĐT Hà Nội, của Bộ GD&ĐT đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học.

Quá trình TĐG của nhà trường được thực hiện đúng quy trình mà Bộ GD&ĐT đã hướng dẫn theo 7 bước:

Bước 1: Thành lập Hội đồng TĐG.

Bước 2: Lập kế hoạch TĐG.

Bước 3: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4: Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5: Viết báo cáo tự TĐG.

Bước 6: Công bố báo cáo TĐG.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

3.1. Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định số 14/QĐ-TTH ngày 28 tháng 2 năm 2021, thành lập Hội đồng TĐG đánh giá chất lượng theo bộ tiêu chí đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT gồm 11 thành viên do Bà Nguyễn Thị Hương – Hiệu trưởng nhà trường làm Chủ tịch Hội đồng.

3.2. Lập kế hoạch TĐG

Từ 05/03/2021 đến 10/03/2021, hội đồng đánh giá đã triển khai các cuộc họp để xây dựng kế hoạch, thống nhất quy trình công tác TĐG chất lượng giáo dục của nhà trường, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm tới từng thành viên trong hội đồng. Hội đồng gồm 05 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập tài liệu nghiên cứu đánh giá 01 tiêu chuẩn.

3.3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Từ 01/03/2021 đến 20/04/2021, các thành viên trong HĐ thu thập các minh chứng của từng tiêu chí theo sự phân công của Chủ tịch HĐ; mã hóa các minh chứng thu được; viết các phiếu đánh giá tiêu chí do cá nhân, nhóm mình phụ trách.

3.4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.

Từ 21/04/2021 đến 20/05/2021, HĐ thảo luận về những vấn đề nảy sinh từ các minh chứng thu được và xác định những minh chứng cần thu thập bổ sung; cá nhân hoặc nhóm báo cáo nội dung của từng phiếu tiêu chí với HĐ.

3.5. Viết báo cáo TĐG.

Từ 21/05/2021 đến 08/07/2021, hoàn thành nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí của từng tiêu chuẩn tập hợp thành báo cáo TĐG chất lượng GD.

3.6. Công bố báo cáo TĐG

Từ 09/08/2021 đến 30/08/2021 hoàn thành báo cáo TĐG, công bố kết quả TĐG để lấy ý kiến đóng góp trong toàn thể CBGVNV và Ban đại diện CMHS để tiếp tục hoàn thiện báo cáo.

3.7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG

Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng đề ra trong báo cáo TĐG để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

Gửi báo cáo TĐG cho Phòng GD&ĐT huyện Mỹ Đức để được hỗ trợ trong quá trình thực hiện cải tiến chất lượng đã nêu trong báo cáo TĐG;

Hàng năm, báo cáo TĐG được cập nhật (dưới dạng bổ sung) và lưu trữ tại trường;

Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 43 Thông tư số 17/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với Trường Tiểu học.

TĐG là quá trình mô tả, phân tích đánh giá hiện trạng của nhà trường theo từng tiêu chí của các tiêu chuẩn trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GD trường Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 và hướng dẫn số 5932/BGD&ĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng GD và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường Tiểu học; thấy được những điểm mạnh, điểm yếu nổi bật của nhà trường trong việc đáp ứng các yêu cầu và điều kiện của từng tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn; từ đó có kế hoạch cụ thể và thực tế mang tính khả thi cho việc cải tiến chất lượng GD của nhà trường.

Để báo cáo TĐG đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng TĐG đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là bằng phương pháp khảo sát thực tế các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chuẩn, sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan trong quá trình TĐG. Nhà trường đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau như: Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GD Trường Tiểu học (theo Thông tư số 17/2018/TT-BGD&ĐT) làm cơ sở cho việc tiến hành TĐG chất lượng GD, sử dụng máy tính, máy in, mạng Internet... để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo.

Qua kết quả TĐG từng tiêu chí, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng GD trong từng thời điểm và trong chiến lược phát triển lâu dài của kế hoạch

phát triển, nâng cao chất lượng GD, đồng thời mạnh dạn đề xuất được những biện pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng GD trong nhiều lĩnh vực hoạt động trong những chặng đường tiếp theo. Đặc biệt, trong quá trình TĐG, HĐ đã thấy được những điểm mạnh, điểm yếu trong công tác quản lý GD của mình, để sau quá trình TĐG, nhà trường sẽ điều chỉnh các hoạt động cũng như công tác quản lý phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với yêu cầu của ngành và nhu cầu của xã hội, đảm bảo mang tính khoa học và đồng bộ hơn, thể hiện được quyết tâm cải tiến, nâng cao chất lượng GD.

Dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GD trường Tiểu học, nhà trường đã tiến hành TĐG chất lượng GD trên tất cả các mặt hoạt động. Trong quá trình thực hiện TĐG chất lượng GD, Hội đồng TĐG đã nhận thấy những điểm mạnh và điểm yếu trong mỗi hoạt động như sau:

*** Điểm mạnh**

Trường có khuôn viên đẹp, nằm ở vị trí thuận tiện cho giao thông. Trình độ dân cư tương đối đồng đều, CMHS quan tâm, ủng hộ nhà trường. Nhà trường đã xây dựng được khối đoàn kết vững mạnh, luôn phấn đấu vì sự phát triển chung;

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục. Nhà trường đã chú trọng xây dựng nề nếp dạy và học; quan tâm đúng mức đến công tác nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động GD ngoài giờ lên lớp, giúp HS phát triển toàn diện;

Nhà trường có đủ hệ thống hồ sơ quản lý và theo dõi các mặt hoạt động của các ban ngành đoàn thể, tạo môi trường làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm, đoàn kết thống nhất cao trong CBGVNV; công tác quản lý chất lượng, kiểm tra đánh giá HS đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan theo các văn bản mang tính pháp quy. Trong quản lý việc dạy học 2 buổi/ngày, trường đã thực hiện đúng quy định của UBND Thành phố, Sở GD&ĐT Hà Nội và Phòng GD&ĐT huyện Mỹ Đức. Chất lượng GD của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường đã tạo được niềm tin đối với CMHS khi gửi con học tại trường.

Trong lĩnh vực quản lý và bồi dưỡng nhân lực: CBQL đoàn kết, thống nhất cao; nhà trường luôn tạo điều kiện tốt về mọi mặt cho CBGVNV yên tâm công tác; phân công chuyên môn hợp lý nên phát huy được năng lực của từng CBGVNV. Nhà trường đã hết sức quan tâm đến công tác GD đạo đức nghề nghiệp cho CBGVNV, phổ biến đầy đủ, nghiêm túc các văn bản quy định về đạo đức nghề nghiệp cho CBGVNV theo tiêu chuẩn nghề nghiệp GV Tiểu học. Nhà trường luôn coi trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, công bằng trong quản lý; có biện pháp phù hợp để đẩy mạnh phong trào tự học trong CBGVNV nhằm bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tại chỗ; tạo điều kiện để GV được học tập nâng cao trình độ. Hằng năm, nhà trường có GV dự thi và đạt giải GV dạy giỏi cấp huyện.

Về công tác quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị: Khung cảnh sư phạm nhà trường đang được xây dựng, hệ thống các phòng ban, phòng học, phòng bộ môn,

trang thiết bị đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động dạy - học. Nhà trường có kế hoạch và biện pháp cụ thể trong công tác quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC, trang thiết bị mới được cung cấp.

Về công tác quản lý tài chính: Nhà trường đã cập nhật kịp thời, đầy đủ các văn bản pháp quy về chế độ tài chính, thực hiện thanh toán kịp thời, đầy đủ mọi chế độ cho CBGVNV; thực hiện tốt công tác dự toán kinh phí cũng như chế độ báo cáo thống kê cho cơ quan chủ quản kịp thời; mọi công tác thu, chi đều được công khai và duyệt thẩm định quyết toán.

Về công tác xây dựng môi trường GD: Nhà trường đã xây dựng được môi trường GD thân thiện, an toàn, lành mạnh cho CBGVNV và HS; luôn chú trọng và có biện pháp thích hợp đảm bảo ANTT, an toàn trường học, không có bạo lực, tệ nạn xã hội,... xâm nhập vào nhà trường.

Về xây dựng quan hệ nhà trường gia đình xã hội: Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các lực lượng GD trong và ngoài trường, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác GD toàn diện HS. Thường xuyên phối hợp với gia đình HS và chính quyền địa phương dưới nhiều hình thức, nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời, chính xác, từ đó đưa ra các biện pháp giáo dục HS đạt hiệu quả.

*** Điểm yếu**

Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường vẫn chưa tạo ra được sự thay đổi đột phá trong quy hoạch cán bộ, GV và chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường.

Một số GV lớn tuổi nên việc ứng dụng CNTT vào dạy học còn hạn chế. Trình độ đào tạo đạt chuẩn của GV theo thông tư mới còn thấp.

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị chưa được trang bị đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ các hoạt động nhà trường. Bàn ghế HS còn một số bộ chưa đúng quy định, thiết bị dạy học ở một số môn học vẫn chưa đầy đủ.

Còn một số gia đình HS chưa thường xuyên quan tâm, phối hợp với GV trong việc giáo dục HS.

Việc tổ chức cho HS tham gia các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường còn hạn chế. Nhà trường vẫn còn một số ít HS chưa hoàn thành chương trình lớp học và HS 11 tuổi chưa hoàn thành chương trình Tiểu học.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.

Mở đầu:

Trường Tiểu học Xã Bột Xuyên trực thuộc UBND huyện Mỹ Đức. Từ khi được thành lập, nhà trường đã xác định rõ mục tiêu, chiến lược phát triển của nhà trường để có định hướng phân đầu trong từng giai đoạn. Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy đúng theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Trường có Hội đồng trường và các Hội đồng tư vấn khác, có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Nhà trường có Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, CBGV NV đã có nhiều sáng tạo trong tổ chức, quản lý các hoạt động giáo dục HS. Thường xuyên rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm các hoạt động để đề ra biện pháp thực hiện nhiệm vụ hiệu quả hơn. Công tác bồi dưỡng GV, NV được nhà trường quan tâm, triển khai đầy đủ và có hiệu quả. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động có kế hoạch, thường xuyên rà soát tiến độ, hiệu quả công việc, kịp thời có các biện pháp khắc phục khó khăn, hạn chế để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Có đủ các khối lớp từ khối 1 đến khối 5. Có đủ GV phụ trách các lớp, có GV chuyên dạy các môn Âm nhạc, Thể dục, Mỹ thuật, Tin học, Tiếng Anh. Đội ngũ GV có trình độ đào tạo đúng chuyên môn, tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy với HS. Cán bộ quản lý nhà trường có đủ năng lực chuyên môn và năng lực quản lý.

Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường hoạt động đúng điều lệ, đúng chức năng và có sự phối hợp chặt chẽ với CBQL, hỗ trợ nhà trường nâng cao chất lượng GD. Trong nhiều năm qua nhà trường luôn thực hiện tốt Quy chế dân chủ, xây dựng môi trường kết nối bộ tốt.

Nhà trường rất quan tâm đến công tác xây dựng trường học an toàn lành mạnh, vệ sinh, cảnh quan sư phạm luôn sáng - xanh - sạch - đẹp.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, GV, NV, CMHS và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cụ thể, rõ ràng phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục (Điều 29 Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019) đó là: nhằm phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của HS; chuẩn bị cho HS tiếp tục học trung học cơ sở; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho người học tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế- xã hội của xã Bột Xuyên là một xã thuần nông kết hợp với buôn bán nhỏ và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường trong giai đoạn quy hoạch phát triển giáo dục 2016 - 2021 với những khó khăn, thiếu thốn về CSVN [H1-1.1-01].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn: 2016 - 2021 và tầm nhìn đến năm 2025 được thông qua hội đồng trường, được UBND xã Bột Xuyên xác nhận, lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Mỹ Đức phê duyệt [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được công khai tại bảng tin và thông qua các Hội nghị CBVC, Hội nghị CMHS [H1-1.1-02]. Tuy nhiên, công tác công khai chưa được triển khai trên hệ thống Website, việc tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân còn hạn chế.

Mức 2:

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2016 - 2021 và tầm nhìn đến năm 2025 cụ thể hóa bằng nghị quyết Hội đồng trường giai đoạn 2016 - 2021 [H1-1.1-03]. Các quy chế thực hiện dân chủ cơ sở, Quy chế thực hiện công khai, dân chủ, Quy chế thực hiện đánh giá xếp loại CBVC, Quy chế phối hợp giữa công đoàn và nhà trường [H1-1.1-04]. Hằng tháng, chi bộ, Hội đồng nhà trường đã tổ chức họp nhằm đánh giá kết quả hoạt động để đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho các hoạt động giáo dục trong thời gian tiếp theo [H1-1.1-05].

Mức 3:

Mỗi năm học nhà trường đều tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, GV, NV, CMHS và các ban ngành đoàn thể xã [H1-1.1-05]. Tuy nhiên, việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường vẫn chưa tạo ra được sự thay đổi đột phá trong quy hoạch cán bộ, GV và chưa nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển cụ thể, rõ ràng phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đặc điểm, tình hình của nhà trường trong giai đoạn quy hoạch phát triển giáo dục 2016 - 2021 được phòng GD&ĐT huyện Mỹ Đức phê duyệt.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường vẫn chưa tạo ra được sự thay đổi đột phá trong quy hoạch cán bộ, GV và chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường để thực hiện nhiệm vụ giáo dục, hoàn thành tốt chỉ tiêu phương hướng giai đoạn 2016 - 2021. Công tác công khai chưa được triển khai trên hệ thống Website, việc tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Duy trì và phát triển các điểm mạnh nhà trường đã đạt được: Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển cụ thể, rõ ràng phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế- xã hội của địa phương và đặc điểm, tình hình của nhà trường.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. Thành viên hội đồng trường 2. Hiệu trưởng 3. Tập thể CBGVNV 4. Mời các ban ngành đoàn thể xã Bột Xuyên phối hợp tham gia.	- Đánh giá thực hiện thông qua Nghị quyết Hội đồng trường cuối năm - Phối hợp các Ban Công an, ban văn hóa xã hội, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của xã. - Duy trì tốt hoạt động Hội đồng trường - Thực hiện tốt các Kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và các Ban, ngành đoàn thể của xã.

2. Nhà trường tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. Hội đồng tuyển sinh 3. Phối hợp Ban đại diện CMHS	- Thực hiện rà soát, điều chỉnh bổ sung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển theo học kỳ theo năm. - Thành lập tổ Công nghệ thông tin phụ trách trang website - Chuẩn bị dự trù kinh phí (mỗi năm khoảng 5.000.000 đồng thuê miền trang website)
--	---	--	---

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường được thành lập theo quy định. Nhiệm kỳ 2016-2021 Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số: 833/QĐ-PGD&ĐT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Trưởng phòng GD&ĐT huyện Mỹ Đức; nhiệm kỳ 2021-2026 Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số: 1447/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện Mỹ Đức. Hội đồng trường gồm 10 thành viên gồm đại diện cấp ủy chi bộ, hiệu trưởng, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn

Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng, đại diện chính quyền địa phương và ban đại diện cha mẹ học sinh. Bà Nguyễn Thị Hương Hiệu trưởng nhà trường là chủ tịch Hội đồng, bà Nguyễn Thị Hồng Báu phó Chủ tịch công đoàn là thư ký Hội đồng [H1-1.2-01]. Mỗi năm học, Hiệu trưởng nhà trường ra Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn như: Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-02], Hội đồng xét nâng lương và phụ cấp thâm niên [H1-1.2-03], Hội đồng tuyển sinh lớp 1 [H1-1.2-04], Hội đồng chấm SKKN [H1-1.2-05] và các Hội đồng tư vấn khác giúp Hiệu trưởng thực hiện các nhiệm vụ theo từng giai đoạn cụ thể [H1-1.2-06].

Hội đồng trường thực hiện có hiệu quả các chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều 10 thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 thông tư ban hành Điều lệ trường Tiểu học (thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 10 năm 2020), thông qua các quy chế hoạt động và kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường cụ thể là: Chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.2-07]. Các Hội đồng tư vấn khác của nhà trường đều xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện theo đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định [H1-1.2-08].

Mỗi năm học, Hội đồng trường đều tổ chức đánh giá kết quả hoạt động, rà soát thực hiện nghị quyết Hội đồng trường [H1-1.1-09]. Định kỳ vào cuối học kỳ 1, cuối năm học và khi kết thúc thời gian hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng tư vấn khác, nhà trường đều rà soát, rút kinh nghiệm, bổ sung các giải pháp tổ chức thực hiện cho từng Hội đồng tư vấn để hoạt động có hiệu quả [H1-1.2-10].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường đã góp phần quan trọng vào quá trình thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục như: Quyết nghị các nội dung thực hiện cụ thể mỗi học kỳ, cả năm học, thực hiện công tác bồi dưỡng HS năng khiếu các môn nghệ thuật, Tiếng Anh, hỗ trợ nhóm HS chậm tiến bằng các nghị quyết chuyên đề [H1-1.2-11]. Các Hội đồng tư vấn khác như: Hội đồng chấm SKKN; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng xét nâng lương; Hội đồng chấm thi viết chữ đẹp; Hội đồng chấm thi GV dạy giỏi. Các Hội đồng đã tư vấn, tham mưu giúp hiệu trưởng thực hiện tốt các nhiệm vụ nâng cao chất lượng viết SKKN áp dụng vào thực tế giảng dạy, đánh giá thi đua đúng thành tích của GV tạo động lực thi đua dạy tốt, học tốt; chọn lựa được HS có năng khiếu tham gia bồi dưỡng phát triển năng lực nghệ thuật góp phần quan trọng giáo dục toàn diện của nhà trường qua mỗi năm học [H1-1.2-12]. Tuy nhiên còn một số nội dung tham mưu đề xuất về việc nâng cao chất lượng công tác viết SKKN bồi dưỡng nâng cao khả năng tự học cho đội ngũ vẫn còn chưa đạt được đầy đủ về số lượng và chất lượng theo chỉ tiêu của nhà trường đề ra [H1-1.2-13].

2. Điểm mạnh

Các hội đồng trong nhà trường được thành lập đúng theo quy định, hoạt động có hiệu quả theo chức năng và nhiệm vụ được giao góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ của đơn vị.

3. Điểm yếu

Quá trình thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng trường và các Hội đồng tư vấn còn một số nội dung tham mưu đề xuất về việc nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học viết SKKN, bồi dưỡng nâng cao khả năng tự học cho đội ngũ vẫn còn chưa đạt được đầy đủ về số lượng và chất lượng theo chỉ tiêu của nhà trường đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Duy trì và phát triển hoạt động Hội đồng trường, các Hội đồng tư vấn khác theo quy định; góp phần quan trọng phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	Hội đồng trường và các Hội đồng tư vấn khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng kế hoạch hoạt động Hội đồng trường và các Hội đồng tư vấn - Dành nguồn kinh phí chi cho hoạt động tùy theo mức độ hoạt động của từng hội đồng. - Duy trì thành lập các Hội đồng theo nội dung công việc của từng bộ phận giúp Hiệu trưởng hoàn thành nhiệm vụ. - Thực hiện tốt phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.
2. Xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ mỗi năm học. Chú trọng bồi dưỡng khả năng tự học, học trực tuyến và học trên các ứng dụng CNTT	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	<ol style="list-style-type: none"> 1. CBQL 2. Tổ văn phòng 3. Tổ chuyên môn 4. CBGVNV 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng ngay từ đầu năm học - Dành kinh phí cho các chuyên đề bồi dưỡng xây dựng theo từng chuyên đề cụ thể (dự kiến mỗi chuyên đề khoảng 3.000.000) - Bồi dưỡng tập trung theo chuyên đề, theo Công văn triệu tập của các cấp - Bồi dưỡng theo tập huấn tham quan.

			<ul style="list-style-type: none"> - Mời các chuyên gia về tại trường tập huấn - Tổ chức chuyên đề hướng dẫn tự học trực tuyến và các phần mềm ứng dụng.
--	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có tổ chức Công đoàn gồm 42 công đoàn viên, là Công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Mỹ Đức. Ban chấp hành công đoàn trường có 05 đồng chí, Chủ tịch công đoàn trường là đồng chí Nguyễn Thị Hương [H1-1.3-01]; [H1-1.3-04]. Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh có 7 đồng chí đoàn viên sinh hoạt và hoạt động dưới sự chỉ đạo của Chi bộ nhà trường và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Bột Xuyên [H1-1.3-02]. Trường có tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội là cô giáo Vũ Thị Thu Hà [H1-1.3-11]. Nhà trường có các tổ chức xã hội khác như: Chi hội Chữ thập đỏ có 6 thành viên thường trực và 42 hội viên [H1-1.3-03].

Công đoàn nhà trường hoạt động theo Chương trình công tác và Điều lệ Liên đoàn lao động Việt Nam ban hành theo quyết định số 174/QĐ-TLĐ ngày 3/2/2020; quy chế, kế hoạch hoạt động của công đoàn nhà trường quy định rõ chức năng hoạt động và tôn chỉ mục đích là phối hợp thực hiện các phong trào thi đua, chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của CBGV [H1-1.3-04]. Chi đoàn thanh niên hoạt động theo quy định của Điều lệ Đoàn [H1-1.3-05]. Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động theo điều lệ của Đội ban hành kèm theo quyết định số 50/QĐ/HĐĐTƯ ngày 23/10/2018 về việc hướng dẫn thực hiện điều lệ Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh [H5-5.3-03].

Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh, chi hội chữ thập đỏ và các tổ chức khác trong nhà trường đều sinh hoạt định kỳ, cuối kỳ sơ kết và cuối nhiệm kỳ tổng kết rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm, đồng thời bổ sung kế hoạch hoạt động thời gian tới; tư vấn cho Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo Nghị quyết, kế hoạch đề ra [H1-1.3-07].

Mức 2:

Chi bộ đảng nhà trường trực thuộc đảng bộ xã Bột Xuyên hiện có 21 đảng viên; ban chi ủy có 3 đồng chí, đồng chí Trần Thị Hương được bầu là bí thư chi bộ [H1-1.3-12]. Chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2018; 2019, 2020 các năm còn lại đều hoàn thành nhiệm vụ [H1-1.3-09]. Chi bộ đảng nhà trường hoạt động theo Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam, Chi bộ sinh hoạt theo quy chế hoạt động và các quy định của BCH trung ương, định kỳ mỗi tháng sinh hoạt 1 lần, chi bộ thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo các hoạt động của nhà trường và các đoàn thể theo nghị quyết hàng tháng và Nghị quyết đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2020 - 2022 [H1-1.3-08].

Các đoàn thể, tổ chức khác trong trường đều có đóng góp tích cực, thúc đẩy các phong trào thi đua, các hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục. Công đoàn luôn phát động các phong trào để thúc đẩy các công tác chuyên môn. Ban chấp hành công đoàn tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, động viên, quan tâm lo đời sống để anh chị em công đoàn viên yên tâm công tác, góp phần nâng cao chất lượng công tác chuyên môn của nhà trường. Công tác tuyên truyền, vận động tới công đoàn viên, phối kết hợp cùng các tổ chức đoàn thể khác trong nhà trường việc tham gia phong trào hiến máu tình nguyện, phong trào ủng hộ rất tích cực cho nên việc tham gia ủng hộ, hiến máu

nhân đạo của công đoàn viên luôn đạt kết quả cao [H1-1.3-06]. Liên đội tổ chức các hoạt động phong trào thi đua, góp phần phát triển toàn diện cho HS. Liên đội đã thực hiện được các hoạt động như: rèn nề nếp, tác phong, giáo dục đạo đức, ý thức trách nhiệm trong học tập, lao động, bảo vệ môi trường. Tích cực tham gia các phong trào do cấp trên tổ chức. Nhiều năm Liên đội đạt Liên đội mạnh cấp Huyện. Ban đại diện CMHS trường và lớp đã tổ chức, phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục HS. Hội Chữ thập đỏ làm tốt công tác từ thiện nhân đạo, tặng quà cho HS nghèo nhân dịp khai giảng, quyên góp ủng hộ HS nghèo, hiến máu nhân đạo,... [H1- 1.3- 07]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-10].

Mức 3:

Trong 5 năm, chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018; 2019, 2020, các năm còn lại đều hoàn thành nhiệm vụ. [H1-1.3-09].

Các đoàn thể, tổ chức khác trong trường có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Các đoàn thể trong nhà trường đã thúc đẩy các phong trào thi đua chào mừng các ngày lễ lớn, các phong trào do ngành phát động, các hoạt động tập thể theo chủ đề, chủ điểm, tích cực tham gia xây dựng tập thể nhà trường đoàn kết, chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và của địa phương. Vì vậy các hoạt động phong trào của nhà trường đạt được những thành tích đáng kể: [H1-1.3-10]. Trong 5 năm qua đã có 25 lượt công đoàn viên tham gia hiến máu nhân đạo, chất lượng dạy và học được giữ vững và phát huy [H1-1.3-06]. Tuy nhiên một số đoàn viên trong tổ chức Đoàn chưa phát huy hết vai trò xung kích đi đầu cho nên vai trò của chi đoàn trong một số phong trào của nhà trường còn hạn chế [H1-1.3-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường có cơ cấu tổ chức hoạt động đúng theo Điều lệ các tổ chức quy định. Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy đảng, chấp hành sự quản lý của chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý giáo dục. Chi bộ và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã phối hợp chặt chẽ tổ chức các hoạt động giáo dục có hiệu quả, góp phần duy trì và từng bước nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục toàn diện. Các tổ chức đoàn thể đều được nhận giấy khen của huyện và xã trong các năm qua.

3. Điểm yếu

Một số đoàn viên trong tổ chức Đoàn chưa phát huy hết vai trò xung kích đi đầu cho nên vai trò của chi đoàn trong một số phong trào của nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
--------------------	---------------------	-----------------	--

1. Duy trì và phát triển: Nhà trường có đủ chi bộ đảng và các tổ chức đoàn thể xã hội khác hoạt động đúng theo Điều lệ các tổ chức quy định	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. Bí thư chi bộ 2. Trưởng các tổ chức đoàn thể 3. Các thành viên của các tổ chức đoàn thể	- Duy trì, củng cố và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể. - Xây dựng kế hoạch bám sát kế hoạch của cấp trên, của chi bộ và của các tổ chức đoàn thể của nhà trường. - Chấp hành và thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao, đóng góp ý kiến xây dựng tổ chức ngày càng vững mạnh.
2. Phát huy tốt vai trò của một số đoàn viên trong tổ chức Đoàn	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. Bí thư chi đoàn 2. Đoàn viên	- Có kế hoạch cụ thể về nội dung công việc được giao. Nhiệt tình, sáng tạo trong phong trào, gắn trách nhiệm cho mỗi đoàn viên. - Phát huy vai trò xung kích đi đầu, chấp hành sự phân công, nhiệt tình, sáng tạo trong công việc

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Hiệu trưởng là đồng chí Trần Thị Hương được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 05/04/2018 của chủ tịch UBND huyện Mỹ Đức (Đã nghỉ hưu tháng 1 năm 2021) và hiện nay Hiệu trưởng là đồng chí Nguyễn Thị Hương được bổ nhiệm theo Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của chủ tịch UBND huyện Mỹ Đức [H1-1.4-01] và Phó Hiệu trưởng là đồng chí Kim Ngọc Thảo được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 545 ngày 5/4/2018 của chủ tịch UBND huyện Mỹ Đức [H1-1.4-02].

Vào đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng nhà trường đều ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng: Từ năm học 2016 – 2017 đến năm học 2019 - 2020 theo quy định tại Điều 18, 19 Điều lệ trường Tiểu học ban hành theo Thông tư số 41/2010/TT-BGD&ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010; năm học 2020-2021 theo quy định tại Điều 14,15 Điều lệ trường Tiểu học ban hành theo thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 [H1-1.4-03]. Các tổ chuyên môn, văn phòng nhà trường đều đảm bảo đúng, đủ cơ cấu theo quy định Điều lệ trường Tiểu học đó là: 3 tổ chuyên môn gồm tổ 1; tổ 2,3; tổ 4,5 và tổ văn phòng. Hiện nay, tổ 1 có 8 thành viên, trong đó 7 GV dạy lớp 1 và đồng chí Hiệu trưởng, tổ trưởng tổ 1 là đồng chí Mai Thị Kiệm, tổ phó là đồng chí Hoàng Thị Tinh. Tổ 2,3 có 15 thành viên trong đó có 10 GV văn hóa, 2 GV thể dục, 1 GV âm nhạc, 1 GV viên mỹ thuật, 1 GV tin học, tổ trưởng tổ 2,3 là đồng chí Lê Thị Thu, tổ phó là đồng chí Nguyễn Thị Thoa. Tổ 4,5 có 13 thành viên trong đó có 6 GV văn hóa, 3 GV tiếng Anh, 1 GV mỹ thuật, 1 NV thư viện, 1 NV thiết bị và đồng chí Kim Ngọc Thảo Phó Hiệu trưởng; tổ trưởng là đồng chí Bùi Văn Lân, tổ phó là đồng chí Nguyễn Thị Kim Dung. Tổ văn phòng có 7 thành viên trong đó có 1 NV kế toán kiêm văn thư, 1 NV y tế kiêm thủ quỹ, 3 NV bảo vệ, 2 NV khác, tổ trưởng là đồng chí Nguyễn Thị Hồng Huệ [H1-1.4-04].

Mỗi năm học, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng nhà trường đều xây dựng

kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng [H5-5.2-05]; [H1-1.4-05]. Các tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đúng theo Điều 14 Điều lệ trường Tiểu học quy định đó là: Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục mỗi năm học; Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách, thiết bị của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; Tham gia đánh giá, xếp loại GV theo quy định Chuẩn nghề nghiệp GV Tiểu học và giới thiệu tổ trưởng, tổ phó vào cuối năm học [H1-1.4-04]. Tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định theo Điều 15 trong Điều lệ trường Tiểu học quy định là: Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường; Giúp Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán kế toán, thống kê theo chế độ quy định; Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; Tham gia đánh giá, xếp loại viên chức; giới thiệu tổ trưởng, tổ phó; thực hiện công tác Lưu trữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-06].

Mức 2:

Mỗi năm học, cả 3 tổ chuyên môn đều xây dựng, đề xuất được mỗi tổ 3 chuyên đề chuyên môn có tác dụng hiệu quả cao như: Chuyên đề bồi dưỡng HS năng khiếu, Thể dục thể thao, năng khiếu Tiếng Anh; chuyên đề bồi dưỡng HS viết chữ đẹp; chuyên đề ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý dạy học [H5-5.2-08]. Thông qua các chuyên đề bồi dưỡng chuyên môn các đồng chí GV đã trau dồi nghiệp vụ, kinh nghiệm bồi dưỡng và vận dụng vào quá trình bồi dưỡng HS thu được kết quả cao đó là: Có 68 lượt HS đạt giải nhất, nhì, ba cuộc thi giao lưu Toán và Tiếng Việt, 32 lượt HS đạt giải Olympic Tiếng Anh cấp huyện, 32 lượt HS đạt giải thi viết đẹp và 7 lượt HS đạt giải trong các cuộc thi vẽ tranh cấp huyện, cấp thành phố [H1-1.4-07].

Mỗi tháng, sau các kỳ sinh hoạt chuyên môn, sau các buổi sinh hoạt chuyên đề và họp triển khai thực hiện các nhiệm vụ; các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều tổ chức rà soát, đánh giá thực hiện nhiệm vụ tháng, điều chỉnh kế hoạch, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện cho tháng tiếp theo phù hợp với kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường và góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục [H1-1.4-06]; [H5-5.2-04]; [H5-5.1-02].

Mức 3:

Tổ chuyên môn đã có nhiều sáng kiến trong việc nâng cao chất lượng dạy và học, tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường. Cụ thể: Đề ra được các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học nói chung, chất lượng dạy học buổi thứ hai nói riêng; đề ra được các biện pháp, hình thức tổ chức dạy học đặc trưng cho từng phân môn; lựa chọn nội dung, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng HS, có nhiều ý tưởng hay trong việc xây dựng nội dung, cách thức tổ chức các hoạt

động ngoại khóa. Kết quả giáo dục mỗi năm học của nhà trường đều được đánh giá xếp trong 10 trường có kết quả giáo dục tốt trong 29 trường của huyện [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]. Tổ văn phòng nhà trường luôn thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ theo quy định, đặc biệt nổi bật là công tác y tế học đường, bảo hiểm y tế, sửa học đường luôn đạt tỷ lệ HS tham gia cao [H1-1.4-09]. Tuy nhiên, nội dung sinh hoạt của tổ văn phòng còn hạn chế chưa bám sát kế hoạch hoạt động GD của nhà trường.

Hằng năm, tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch và tổ chức tốt các chuyên đề chuyên môn: chuyên đề về đổi mới phương pháp của các tổ đã giúp cho GV thay đổi phương pháp phù hợp hơn, hiệu quả hơn; chuyên đề về ứng dụng CNTT trong dạy học đã giúp cho thầy cô biết ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học trực tiếp, dạy học trực tuyến góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và thực hiện tốt việc HS dừng đến trường nhưng không dừng học vì nghỉ dịch. Điều đó được thể hiện bằng kết quả giáo dục mỗi năm học đều được đánh giá xếp trong 10 trường có kết quả giáo dục tốt trong 29 trường của huyện [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng theo quy định, có đủ các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo Điều lệ trường Tiểu học. Các tổ chuyên môn có đóng góp tích cực trong việc nâng cao chất lượng GD của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nội dung sinh hoạt của Tổ văn phòng còn hạn chế chưa bám sát kế hoạch hoạt động GD của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Nhà trường duy trì cơ cấu tổ chức tổ chuyên môn, tổ văn phòng và công tác chuyên đề.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. Hiệu trưởng 2. Tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Nhà trường thực hiện duy trì tốt cơ cấu tổ chức, tiếp tục duy trì xây dựng mỗi năm 3 chuyên đề chuyên môn đột phá nâng cao hiệu quả giáo dục từng nội dung cụ thể nhằm thực hiện phát triển giáo dục toàn diện.

2. Nâng cao chất lượng sinh hoạt của Tổ văn phòng.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. Hiệu trưởng 2. Tổ trưởng văn phòng 3. Các thành viên tổ văn phòng	- Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo tổ trưởng văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động tuần, tháng và trực tiếp họp cùng tổ văn phòng. - Tổ trưởng Tổ văn phòng phải xây dựng kế hoạch và chuẩn bị đầy đủ nội dung cho các buổi họp. - Các thành viên chấp hành và tích cực tham gia đóng góp ý kiến.
--	---	--	--

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

* Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp Tiểu học;
- b) HS được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số HS trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học, linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong 5 năm học từ năm 2016- 2017 đến 2020-2021 nhà trường đều có đủ 5 khối lớp theo quy định [H5-5.4-03]; [H1- 1.5- 01].

HS nhà trường được tổ chức theo lớp học đúng quy định Điều 16 Điều lệ trường Tiểu học ban hành theo thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 (thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 10 năm 2020). Mỗi lớp học có lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó do HS ứng cử hoặc GV chủ nhiệm giới thiệu, được HS trong lớp, trong tổ bầu chọn và luân phiên trong năm học [H1- 1.5- 01]; [H1- 1.5- 02].

Hoạt động của lớp học đảm bảo tính dân chủ, tự quản, hợp tác. Mỗi HS được chủ động thảo luận, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, nhóm, lớp với sự hỗ trợ của GV như: Các em được quyền bầu chọn lớp trưởng, lớp phó và các tổ trưởng; lớp trưởng quản lý lớp trong giờ truy bài hay tổ chức sinh hoạt lớp, sao nhi dưới sự hỗ trợ của thầy cô [H1- 1.5- 02]. Hoạt động Đội TNTP, Sao nhi đồng được lồng ghép linh hoạt trong các hoạt động phối kết hợp các hoạt động của lớp [H5-5.3-03].

Mức 2:

Trong 5 năm học từ năm 2016- 2017 đến 2020-2021 nhà trường đều có không quá 30 lớp đảm bảo đúng quy định theo Điều 9 Thông tư Số 13/2020/TT-BGD&ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định về tiêu chuẩn CSVC. [H1-1.5-01]; [H1-1.8-01].

Hàng năm, theo quy định tại Điều 16 Điều lệ trường Tiểu học ban hành theo thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 nhà trường tổ chức biên chế HS trong mỗi lớp không vượt quá 35 em. Tuy nhiên, năm học 2020-2021 khối lớp 4 có 115 HS do thiếu phòng học nên chia thành 3 lớp nên các lớp đều phải biên chế vượt quá 35 HS. Nhà trường đã có tờ trình đề nghị UBND huyện xây dựng thêm phòng học cho nhà trường để năm học 2021-2022 sĩ số HS/lớp đảm bảo theo đúng quy định [H1-1.5-01].

Các lớp học được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Đầu năm học, dưới sự hướng dẫn của GV, các hội đồng tự quản được thành lập theo hình thức HS trong lớp tự bầu. Hội đồng này thực hiện các hoạt động tự quản trước giờ vào học, đôn đốc nhắc nhở HS trong nhóm, tổ thực hiện các yêu cầu nội quy trường lớp. Hàng tuần, vào các tiết sinh hoạt lớp, sinh hoạt sao, sinh hoạt Đội, Hội đồng tự quản cùng các thành viên trong lớp, dưới sự hướng dẫn của GVCN hoặc CB phụ trách thực hiện công tác sơ kết các hoạt động trong tuần đồng thời tuyên dương khen thưởng các HS có thành tích tốt. Bên cạnh đó, nhà trường còn tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho các lớp được thăm quan, học tập thực tế theo các mô hình trải nghiệm sáng tạo [H5-5.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối lớp theo qui định. Tổ chức quản lý lớp học tốt. HS được phát huy tính độc lập, tự chủ, sáng tạo trong quá trình học tập và sinh hoạt tại trường.

3. Điểm yếu

Do điều kiện khách quan, điều kiện cơ sở vật chất, số HS các lớp chưa đảm bảo theo đúng quy định của Điều 16 Điều lệ trường Tiểu học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Nhà trường duy trì cơ cấu, tổ chức khối lớp và các hoạt động.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. TPT Đội 3. GV	- CBQL xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển giáo dục. - TPT xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động của Đội một cách hiệu quả, duy trì đội sao đỏ. - Duy trì thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục.
2. Khắc phục tình trạng sĩ số HS mỗi lớp vượt quá quy định.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. Hội đồng tuyển sinh 3. Phối hợp Ban đại diện CMHS	- Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục trình các cấp để bổ sung phòng học đảm bảo đến năm học 2021 – 2022 có đủ phòng học và biên chế sĩ số HS đảm bảo theo quy định. - Thực hiện nghiêm túc kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh đầu năm học. - Thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động CMHS, nhân dân thực hiện kế hoạch dân số gia đình.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		-	

Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách theo quy định tại Điều 21 Điều lệ trường Tiểu học. Tất cả các loại hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định của Luật Lưu trữ và theo Thông tư số: 27/2016/TT- BGD&ĐT quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục. Các loại hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục: Sổ đăng bộ; sổ phổ cập giáo dục Tiểu học; bảng theo dõi kết quả kiểm tra đánh giá HS; học bạ của HS; sổ nghị quyết và kế hoạch công tác; sổ quản lý cán bộ giáo, viên NV; sổ khen thưởng, kỷ luật; sổ quản lý tài sản, tài chính; sổ quản lý các văn bản, công văn. Các loại hồ sơ đủ theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Hồ sơ lưu trữ theo từng mảng hoạt động giáo dục và người phụ trách hoạt động nào kiêm luôn việc lưu trữ hồ sơ phục vụ cho hoạt động đó [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

Hằng năm, nhà trường thực hiện lập dự toán, thực hiện công tác thu, chi, báo cáo quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, cơ sở vật chất và các khoản thu khác theo đúng quy định của Bộ tài chính [H1- 1.6- 03]; [H1- 1.6- 06]. Nhà trường công khai vào đầu năm học thông qua các cuộc họp Hội đồng và Hội nghị công nhân viên chức trước khi ban hành đều lấy ý kiến thảo luận, đóng góp dân chủ. Định kỳ, nhà trường thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính. Nhà trường thực hiện công khai tài chính theo quy định để CBGVNV biết và tham gia giám sát, kiểm tra bằng hình thức phổ biến trong Hội đồng sư phạm và niêm yết tại bảng

thông tin nhà trường theo từng quý [H1- 1.6- 04]. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của Thông tư 36, Thông tư 61/TT-BGD về công khai [H1- 1.6- 05].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục: Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã chủ động xây dựng các kế hoạch nhằm thực hiện quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Nhà trường đã ban hành các Quy chế thực hiện công tác công khai, quản lý tài sản công. Nhà trường khai thác triệt để trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy và quản lý. Các phòng chức năng của nhà trường đều có sổ theo dõi, nhật ký sử dụng [H1- 1.6- 07]; [H1- 1.8- 02].

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính cụ thể là sử dụng hiệu quả các phần mềm PMIS về quản lý nhân sự, phần mềm cơ sở dữ liệu csdl.moet.gov.vn về quản lý kết quả chất lượng giáo dục, phần mềm pcgd.moet.gov.vn về phổ cập giáo dục, phần mềm giaoducdientuv2.hanoi.gov.vn về công tác tuyển sinh và chất lượng giáo dục [H1- 1.6-07]; Công tác quản lý về tài chính và tài sản của nhà trường cũng được cụ thể hóa bằng các phần mềm kế toán, chữ ký số [H1-1.6-08]. Tuy nhiên, việc ứng dụng CNTT vào cập nhật lưu trữ hồ sơ của bộ phận văn phòng còn hạn chế [H1- 1.6-09].

Hàng năm, nhà trường được Phòng Tài chính huyện kiểm tra, thẩm định tài chính, trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1- 1.6- 10].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn theo chiến lược phát triển giáo dục 5 năm giai đoạn 2016- 2021 để tạo các nguồn tài chính hợp pháp theo quy định thông tư 16/TT-BTC phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương nhằm huy động các nguồn lực xã hội bổ sung, hoàn thiện phát triển nhà trường theo hướng đồng bộ, hiện đại [H1- 1.6- 10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định tại Điều 21 Điều lệ trường Tiểu học. Công tác lưu trữ thực hiện khoa học, đảm bảo dễ tìm dễ lấy dễ tra cứu. Công tác công khai được thực hiện đầy đủ, minh bạch rõ ràng. Nhà trường không có đơn thư khiếu nại trong công tác quản lý tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, việc ứng dụng CNTT vào cập nhật lưu trữ hồ sơ của bộ phận văn phòng còn hạn chế. Chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra

các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Nhà trường duy trì công tác lưu trữ, dự toán thu chi, quản lý sử dụng tài chính.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. Kế toán 3. Thủ quỹ 4. Văn thư	- CBQL; Kế toán; Thủ quỹ; Văn thư nghiên cứu các văn bản chỉ đạo liên quan đến việc xây dựng hệ thống hồ sơ nhà trường để có kế hoạch mua sắm, bổ sung, sử dụng có hiệu quả các loại hồ sơ và quản lý ngân sách đúng quy định.
2. - Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong việc lưu trữ hồ sơ. - Các năm tiếp theo xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và địa phương.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. Kế toán 3. Thủ quỹ 4. Văn thư 5. Tổ văn phòng.	- Nhà trường thành lập và duy trì tổ CNTT, hỗ trợ tổ văn phòng và văn thư trong công tác ứng dụng CNTT vào việc lưu trữ hồ sơ. - Căn cứ vào thực tế của nhà trường và của địa phương. - Hiệu trưởng cùng kế toán chủ động xây dựng kế hoạch để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp nhằm phục vụ tốt cho kế hoạch phát triển CSVC, thiết bị & công nghệ, bồi dưỡng trình độ GV.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, GV và NV

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, GV và NV;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, GV, NV rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, GV và NV được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ Điều 30 Điều lệ trường Tiểu học ban hành theo thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020. Dựa trên cơ sở kết quả đánh giá cán bộ, GV theo chuẩn Hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp GV Tiểu học. Hằng năm, nhà trường triển khai công tác bồi dưỡng GV theo chương trình bồi dưỡng thường xuyên GV Tiểu học ban hành theo thông tư 32/2011/TT-BGD&ĐT ngày 08 tháng 8 năm 2011 và quy chế bồi dưỡng thường xuyên GV Tiểu học ban hành theo thông tư số 26/2012/TT-BGD&ĐT ngày 10 tháng 7 năm 2012. Giai đoạn từ năm học 2016-2017 đến năm học 2018-2019 nội dung bồi dưỡng thường xuyên cho GV tập trung vào bồi dưỡng năng lực triển khai dạy học và đổi mới phương pháp dạy học của GV, năng lực sử dụng thiết bị dạy học và ứng dụng CNTT vào dạy học, năng lực kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS theo thông tư 22, thông tư 30; giai đoạn từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021 nhà trường tập trung vào bồi dưỡng giúp GV tiếp cận và hiểu được nội dung cơ bản của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nội dung sách giáo khoa và phương pháp dạy học lớp 1, tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS theo thông tư 27. Tạo điều kiện để GV tham gia bồi dưỡng nâng chuẩn trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu đạt chuẩn của Luật GD 2019 [H1- 1.7- 01]. Tuy nhiên, công tác bồi dưỡng kỹ năng giáo dục giới tính, tư vấn tâm lý học đường và giáo dục trải nghiệm chưa đạt chỉ tiêu nhà trường đề ra [H1-1.7-02].

Hằng năm, công tác phân công, sử dụng cán bộ quản lý, GV, NV được thực hiện theo các quy định về sử dụng người lao động với tiêu chí là cụ thể, rõ ràng, công khai, khoa học, hợp lý bằng các quyết định phân công nhiệm vụ các thành viên đảm bảo đúng người, đúng việc, phù hợp chuyên môn nghiệp vụ và thực hiện hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H1- 1.7- 03].

Cán bộ quản lý, GV và NV nhà trường được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học ban hành theo Thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04 / 9/2020 của bộ GD&ĐT như: Được nhà trường tạo điều kiện

để thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục HS. GV được tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định khi được cử đi học. GV nhà trường được hưởng tiền lương, phụ ưu đãi nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của Chính phủ; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc sức khỏe theo chế độ quy định đối với nhà giáo. GV nhà trường được bảo vệ nhân phẩm, danh dự và được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1- 1.7- 04]; [H1- 1.7- 05].

Mức 2:

Mỗi năm học, nhà trường đều xây dựng các giải pháp để tổ chức thực hiện phát huy hiệu quả năng lực, sở trường của cán bộ quản lý, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, [H1- 1.7- 01] cụ thể bằng các nội dung phân công rõ trách nhiệm trên cơ sở căn cứ vào kết quả công tác các năm học trước, trên cơ sở các SKKN đã đạt được và các thành tích thông qua các hội thi cấp huyện, thành phố [H1- 1.7- 06]; đồng thời nhà trường cũng xây dựng các kế hoạch tuyên truyền, vận động CBVC thực hiện mô hình đổi mới, sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục, quản lý giáo dục, đặc biệt chú trọng đẩy mạnh ứng dụng CNTT, SKKN vào thực tiễn công việc được giao [H1- 1.7- 07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện công tác quản lý, phân công nhiệm vụ cán bộ, GV, NV đúng quy định. Mỗi năm học nhà trường xây dựng các giải pháp để tổ chức thực hiện phát huy hiệu quả năng lực, sở trường của cán bộ quản lý, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch, đạt hiệu quả cao. đồng thời nhà trường cũng xây dựng các kế hoạch tuyên truyền, vận động CBVC thực hiện mô hình đổi mới, sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục,

3. Điểm yếu

Công tác bồi dưỡng kỹ năng giáo dục giới tính, tư vấn tâm lý học đường và giáo dục trải nghiệm chưa đạt chỉ tiêu nhà trường đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Nhà trường duy trì kế hoạch cụ thể trong công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy năng lực sở trường của CBQL, GV, NV. Thực	Từ năm học 2021-2022 và	1. CBQL 2. Tổ chuyên môn	- Hiệu trưởng bám sát kế hoạch chỉ đạo của cấp trên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, định kỳ trong nhà trường.

hiện phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý	các năm tiếp theo	3. Tổ văn phòng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ trưởng tổ chuyên môn, văn phòng bám sát để phát hiện năng lực, hạn chế của từng người để hỗ trợ CBQL sắp xếp công việc phù hợp. - Phối hợp Công đoàn chăm lo đời sống, thấu hiểu tâm tư nguyện vọng của từng CB - GV - NV điều chỉnh công việc hợp lý.
2. Nhà trường có giải pháp về giáo dục giới tính, tư vấn học đường và hoạt động trải nghiệm.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	<ul style="list-style-type: none"> 1. CBQL, 2. Tổ tư vấn tâm lý học đường 3. TPT 4. Bí thư chi đoàn. 5. Ban đại diện CMHS 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu trưởng thành lập Tổ tư vấn tâm lý học đường. - Chuẩn bị tài chính. - Phối hợp Đoàn TNCS, Đội TNTP, Ban đại diện CMHS tổ chức các động trải nghiệm sáng tạo

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt			-	-
c	Đạt			-	-
Đạt		Đạt			

Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học, căn cứ vào Hướng dẫn nhiệm vụ năm học của ngành, của Sở GDĐT, của Phòng GDĐT, dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện của nhà trường, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Trên cơ sở đó, phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch chỉ đạo công tác chuyên môn [H1- 1.8- 01]. Dựa trên kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch công tác chuyên môn, đồng chí TPT Đội xây dựng kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp [H5-5.3-01]. Trên cơ sở kế hoạch chỉ đạo công tác chuyên môn, các đồng chí Tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch chuyên môn của tổ [H5-5.2-05].

Trường đã kết hợp với công đoàn, chỉ đạo các cá nhân, đoàn thể cùng tham gia tổ chức thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các hoạt động mà kế hoạch giáo dục từng năm học đề ra [H1-1.8-02]. Việc triển khai được thể hiện qua kế hoạch công tác hằng tháng của nhà trường [H5-5.1-03], kế hoạch công tác chuyên môn, công tác kiểm tra nội bộ hằng tháng của nhà trường [H1-1.8-03], kế hoạch sinh hoạt tổ chuyên môn [H5-5.2-05], lịch báo giảng của GV [H5-5.2-02].

Theo định kỳ, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, những nội dung chưa thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra, tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục ngay trong thời gian tới. Đồng thời trường tiến hành điều chỉnh và bổ sung những nội dung còn thiếu và những nội dung mang tính thời sự phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, của địa phương [H1-1.1-03]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H5-5.1-03].

Mức 2:

Mỗi tháng, nhà trường đều xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tháng, các giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường hàng tháng được các cấp quản lý đánh giá, ghi nhận có hiệu quả tích cực thông qua công tác kiểm tra chuyên đề, kiểm tra đột xuất, báo cáo kiểm tra trực tuyến và các đợt kiểm tra định kỳ của Phòng GD&ĐT, UBND huyện và các cơ quan, ban ngành liên quan đến công tác quản lý đối với nhà trường [H1-1.8-02]; [H1-1.8-04]. Tuy nhiên, các giải pháp về công tác tham mưu các cấp quản lý về việc bổ sung cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị và đồ dùng dạy học chưa kịp thời [H1-1.8-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá các hoạt động GD chi tiết, đầy đủ theo từng tháng. CBQL thường xuyên có các biện pháp theo dõi, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động GD, việc quản lý HS của GV.

3. Điểm yếu

Công tác tham mưu các cấp quản lý về việc bổ sung cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị và đồ dùng dạy học chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Nhà trường duy trì xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá các hoạt động GD chi tiết, đầy đủ theo từng tháng	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. Tổ trưởng, tổ phó các tổ. 3. Bí thư Đoàn 4. TPT đội	- Hiệu trưởng bám sát các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch GD của các cơ quan quản lý, Nghị quyết của Đảng ủy xã về lĩnh vực phát triển GD từng năm; Căn cứ vào thực tế của đơn vị để xây dựng được kế hoạch GD năm học đúng theo quy định hiện hành, phù hợp tình hình thực tế của nhà trường. - Tổ trưởng, tổ phó, Bí thư Đoàn, TPT Đội lên kế hoạch hoạt động dựa trên kế hoạch của nhà trường.
2. Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu, đề xuất bổ sung cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị và đồ dùng dạy học.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1.CBQL	- Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tham mưu, đề xuất với UBND huyện đăng ký xây dựng trường chuẩn quốc gia để nhà trường đạt được đầy đủ các chỉ tiêu phân đầu nhà trường điển hình trong khu vực. - Hiệu trưởng đề xuất với Phòng GD&ĐT bổ sung kịp thời thiết bị dạy học cho các khối lớp thực hiện Chương trình GDPT 2018.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt			-	-
c	Đạt			-	-
Đạt		Đạt			

Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, cán bộ quản lý, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, nội quy cơ quan, quy định văn hóa công sở, quy chế làm việc, các quy chế thi đua khen thưởng, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thực hiện dân chủ cơ sở, quy chế đánh giá xếp loại CBVC và các quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường trước khi bắt đầu năm học mới theo quy định tại Thông tư “ Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở GD công lập” số 11/2020/TT- BGD&ĐT ngày 19 tháng 05 năm 2020 của BGD&ĐT [H1- 1.9- 01]. Tuy nhiên, còn một số NV chưa tích cực nghiên cứu, tham gia xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.7-05].

Mỗi năm học, các kiến nghị, đề xuất, phản ánh của cán bộ quản lý, GV, NV về điều chỉnh quy chế thi đua khen thưởng, quy chế chi tiêu nội bộ, các góp ý về thực hiện tiết kiệm, các nguồn phúc lợi xã hội được hiệu trưởng nhà trường tiếp thu, giải trình, điều chỉnh hợp lý theo các quy định hiện hành. Các đề xuất của CMHS và nhân dân về thực hiện các nội dung tuyển sinh, thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy được hiệu trưởng nhà trường tiếp thu, giải trình và điều chỉnh phù hợp [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]. Công tác tiếp nhận giải quyết các ý kiến cải cách hành chính, tiếp công dân thực hiện đúng theo lịch, nhà trường đã thực hiện tốt các kiến nghị phản ánh cho nên trong 5 năm qua không có đơn thư, khiếu nại [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05].

Hằng năm, nhà trường thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo về việc thực hiện Quy chế dân chủ, thông qua: báo cáo thực hiện Quy chế dân chủ của nhà trường [H1-1.9-03]; báo cáo của ban thanh tra nhân dân hằng năm [H1-1.9-05]; báo cáo của Công đoàn nhà trường có nội dung thực hiện Quy chế dân chủ [H1-1.7-05].

Mức 2:

Dưới sự lãnh đạo của Chi ủy, việc xây dựng Quy chế dân chủ có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong nhà trường như: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban Thanh tra nhân dân. Ban chấp hành Công đoàn và nhà trường đã xây dựng Quy chế phối hợp giữa Công đoàn và Nhà trường. Quy chế dân chủ được thông qua Hội nghị CB, công chức, viên chức hằng năm, thông qua thảo luận, đóng góp ý kiến, xây dựng và hoàn thiện trở thành Quy chế thực hiện dân chủ của nhà trường [H1-1.9-03]. Nhà trường tổ chức để CBGVNV giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ thông qua ba hình thức giám sát, kiểm tra thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân [H1-1.9-05]; Thông qua hội nghị CBCCVC hằng năm [H1-1.9-01]. Các biện pháp giám sát và cơ chế giám sát đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Các chủ trương, kế hoạch đều được bàn bạc dân chủ, lấy ý kiến đóng góp của các tổ khối [H1-1.7-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức tốt công tác thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo tập thể đoàn kết, thống nhất, mọi hoạt động của nhà trường dân chủ, công khai. Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền nhà trường được giải quyết đúng quy trình. Nhà trường không có đơn thư, khiếu nại. Thực hiện nghiêm túc báo cáo định kỳ về việc thực hiện quy chế dân chủ với các cấp có thẩm quyền. Các biện pháp giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ được thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Một số NV chưa tích cực nghiên cứu, tham gia xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Nhà trường duy trì thực hiện công khai quy chế dân chủ cơ sở và các quy chế khác.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. Ban chấp hành Công đoàn 3. GV, NV	- Hiệu trưởng bám sát các văn bản, phối kết hợp với BCH Công đoàn để xây dựng quy chế dân chủ, công khai và thực hiện tốt kế hoạch công khai, giám sát việc thực hiện quy chế. - GV, NV có trách nhiệm thực hiện, giám sát và phản ánh những tồn tại trong việc thực hiện quy chế của nhà trường.
2. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu tham gia	Từ năm	1.CBQL	- Hiệu trưởng đưa nội dung đóng góp xây dựng kế hoạch, nội quy,

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
xây dựng các quy chế của NV.	học 2021-2022 và các năm tiếp theo	2. Tổ trưởng tổ văn phòng	quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường vào tiêu chí đánh giá, xếp loại thi đua; giao tổ văn phòng xây dựng kế hoạch tổ chức chuyên đề theo 5 bước từ cá nhân nghiên cứu, các tổ, khối thảo luận, công đoàn tổng hợp và công khai. - Tổ văn phòng duy trì sinh hoạt ít nhất một tháng một lần hoặc khi có yêu cầu của công việc.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
<i>Chỉ báo</i>	<i>Đạt/ Không đạt</i>	<i>Chỉ báo</i>	<i>Đạt/ Không đạt</i>	<i>Chỉ báo</i>	<i>Đạt/ Không đạt</i>
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt			-	-
c	Đạt			-	-
Đạt		Đạt			

Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho HS được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, GV, NV và HS trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, GV, NV và HS được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng,

chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong 5 năm học qua, vào đầu mỗi năm học, nhà trường đều xây dựng các kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-07]. Tuy nhiên, năm học 2020 – 2021 Do điều kiện nhà trường xây dựng và tu sửa CSVC nên cổng trường, sân chơi, sân tập của các em có phương tiện máy móc qua lại nên có thể gây ra mất an toàn cho HS.

Nhà trường có hộp thư góp ý trực tiếp. Trên cổng trường và ngoài bảng tin có số điện thoại của trường, của CBQL làm đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân và phụ huynh. Ngoài ra nhà trường có phòng trực bảo vệ, có ban tư vấn tâm lý học đường để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, GV, NV và HS trong nhà trường [H1-1.10-02]; [H1- 1.10-03].

Nhà trường quán triệt để CBGVNV và HS nắm rõ quyền hạn và trách nhiệm của bản thân, thường xuyên tuyên truyền, vận động để GV và HS thực hiện tốt. 100% GV thực hiện ký cam kết: không vi phạm đạo đức nhà giáo; không xúc phạm đến nhân phẩm và thân thể của HS; không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường. Nhà trường tuyên truyền sâu rộng trong HS về quyền và bổn phận của trẻ em, thực hiện hiệu quả giáo dục đạo đức và kĩ năng sống cho HS, nghiêm khắc xử lý các hiện tượng vi phạm nội quy của nhà trường, thực hiện các nhiệm vụ của HS. Vì vậy, trong 5 năm qua, nhà trường không có kỳ thị, vi phạm về giới hay các hiện tượng bạo lực học đường. Tất cả HS đều được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng [H1-1.8-02].

Mức 2:

Hằng năm, cán bộ quản lý, GV, NV và HS được tập huấn phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các buổi tập huấn chuyên đề, tập huấn thực hành diễn tập đầu năm học và các cuộc phối hợp với các ban ngành đoàn thể trên địa bàn [H1-1.10-06]; [H1-1.10-03].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự thông qua các chương trình hoạt động công tác đội, tư vấn tâm lý học đường và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả đảm bảo trường học luôn luôn an toàn [H1-1.10- 04].

2. Điểm mạnh

Mỗi năm học, cán bộ quản lý, GV, NV và HS được tập huấn phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Không có hiện tượng kỳ thị trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Do điều kiện nhà trường xây dựng và tu sửa CSVC nên công trường, sân chơi, sân tập của các em có phương tiện máy móc qua lại nên có thể gây ra mất an toàn cho HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Xây dựng các phương án, kế hoạch đảm bảo an toàn	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL	- Hiệu trưởng xây dựng các kế hoạch, phương án đảm bảo ANTT, an toàn cho CBGVNV và HS. Yêu cầu các bộ phận như bảo vệ, y tế có phương án và kế hoạch cụ thể đảm bảo an toàn cho CBGVNV và HS.
2. Khắc phục tình trạng mất an toàn cho HS	Trong quá trình xây dựng và những năm tiếp theo	1. CBQL 2. NV bảo vệ 3. TPT Đội, GV	- Hiệu trưởng lập kế hoạch, nội quy ra vào của các phương tiện, bổ sung biển cảnh báo khu vực nguy hiểm, yêu cầu bên thi công xây dựng thực hiện nghiêm túc đảm bảo an toàn cho CBGVNV và HS. - NV bảo vệ trực thường xuyên 24/24, kịp thời ngăn chặn các tình huống gây mất an toàn.

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
			- TPT Đội và Gv thường xuyên nhắc nhở các em chấp hành tốt nội quy đảm bảo an toàn.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển cụ thể, rõ ràng phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đặc điểm, tình hình của nhà trường trong giai đoạn quy hoạch phát triển giáo dục 2016 - 2021 được phòng GD&ĐT huyện Mỹ Đức phê duyệt.

Các hội đồng trong nhà trường được thành lập đúng theo quy định, hoạt động có hiệu quả theo chức năng và nhiệm vụ được giao góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ của đơn vị.

Nhà trường có chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường có cơ cấu tổ chức hoạt động đúng theo Điều lệ các tổ chức quy định. Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy đảng, chấp hành sự quản lý của chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý giáo dục. Chi bộ và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã phối hợp chặt chẽ tổ chức các hoạt động giáo dục có hiệu quả, góp phần duy trì và từng bước nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục toàn diện. Các tổ chức đoàn thể đều được nhận giấy khen của huyện và xã trong các năm qua.

Nhà trường có đủ các tổ theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Các tổ

chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện hiệu quả kế hoạch giáo dục toàn diện của nhà trường. Kết quả giáo dục của nhà trường nằm trong top 10 trong tổng số 29 trường trong huyện.

HS nhà trường được tổ chức theo lớp học đúng quy định Điều 16 Điều lệ trường Tiểu học. Mỗi lớp HS đều hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ và linh hoạt trong các hoạt động.

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định tại Điều 21 Điều lệ trường Tiểu học. Công tác lưu trữ thực hiện khoa học, đảm bảo dễ tìm dễ lấy dễ tra cứu. Công tác công khai được thực hiện đầy đủ, minh bạch rõ ràng. Nhà trường không có đơn thư khiếu nại trong công tác quản lý tài chính, tài sản.

Nhà trường thực hiện công tác quản lý, phân công nhiệm vụ cán bộ, GV, NV đúng quy định. Mỗi năm học nhà trường xây dựng các giải pháp để tổ chức thực hiện phát huy hiệu quả năng lực, sở trường của của cán bộ quản lý, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch, đạt hiệu quả cao. đồng thời nhà trường cũng xây dựng các kế hoạch tuyên truyền, vận động CBVC thực hiện mô hình đổi mới, sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục,

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá các hoạt động GD chi tiết, đầy đủ theo từng tháng. CBQL thường xuyên có các biện pháp theo dõi, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động GD, việc quản lý HS của GV.

Nhà trường tổ chức tốt công tác thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo tập thể đoàn kết, thống nhất, mọi hoạt động của nhà trường dân chủ, công khai. Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền nhà trường được giải quyết đúng quy trình. Nhà trường không có đơn thư, khiếu nại. Thực hiện nghiêm túc báo cáo định kỳ về việc thực hiện quy chế dân chủ với các cấp có thẩm quyền. Các biện pháp giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ được thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả.

Mỗi năm học, cán bộ quản lý, GV, NV và HS được tập huấn phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Không có hiện tượng kỳ thị trong nhà trường.

Điểm yếu

Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường vẫn chưa tạo ra được sự thay đổi đột phá trong quy hoạch cán bộ, GV và chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường để thực hiện nhiệm vụ giáo dục, hoàn thành tốt chỉ tiêu phương hướng giai đoạn 2015- 2021. Công tác công khai chưa được triển khai trên hệ thống Website, việc tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân còn hạn chế.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng trường và các Hội đồng tư vấn

còn một số nội dung tham mưu đề xuất về việc nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học viết SKKN, bồi dưỡng nâng cao khả năng tự học cho đội ngũ vẫn còn chưa đạt được đầy đủ về số lượng và chất lượng theo chỉ tiêu của nhà trường đề ra.

Các đoàn thể chưa có biện pháp thực sự hữu hiệu để thúc đẩy các thành viên tham gia tích cực vào các hoạt động tại cộng đồng.

Chất lượng về nội dung sinh hoạt của tổ văn phòng còn hạn chế, chưa bám sát kế hoạch của nhà trường.

Do điều kiện khách quan, điều kiện cơ sở vật chất, số HS các lớp chưa đảm bảo theo đúng quy định của Điều 16 Điều lệ trường Tiểu học.

Việc ứng dụng CNTT vào cập nhật lưu trữ hồ sơ của bộ phận văn phòng còn hạn chế.

Công tác bồi dưỡng kỹ năng giáo dục giới tính, tư vấn tâm lý học đường và giáo dục trải nghiệm chưa đạt chỉ tiêu nhà trường đề ra.

Công tác tham mưu các cấp quản lý về việc bổ sung cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị và đồ dùng dạy học chưa kịp thời.

Một số NV chưa tích cực nghiên cứu, tham gia xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Do điều kiện nhà trường xây dựng và tu sửa CSVC nên cổng trường, sân chơi, sân tập của các em có phương tiện máy móc qua lại nên có thể gây ra mất an toàn cho HS.

- Số lượng tiêu chí: 10 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 10/10 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 10/10 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 2/4 tiêu chí

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, GV, NV và HS

Mở đầu

Trường Tiểu học Bột Xuyên có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Trường có 01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng có trình độ Đại học sư phạm, đều được học qua lớp quản lý giáo dục và có nhiều năm làm công tác quản lý, có đủ sức khỏe, nhiệt tình, năng động, sáng tạo và được tập thể nhà trường tín nhiệm.

Đội ngũ GV có đủ về số lượng, bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn, trình độ GV có bằng cử nhân theo quy định của Luật giáo dục 2019 còn thấp. Tập thể hội đồng sư phạm đoàn kết, thống nhất, nhiệt tình, tích cực sáng tạo trong các hoạt động giáo dục.

Đội ngũ NV của nhà trường có cơ cấu theo đúng thông tư 16/2017, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình trong công việc, luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

HS hiếu học, chăm ngoan, lễ phép, năng động. Các em học sinh chủ yếu sinh sống trên cùng một địa bàn dân cư. Đó là điều kiện thuận lợi để nhà trường làm tốt công tác phổ cập và giáo dục chất lượng.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được GV, NV trong trường tin nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 11 Điều lệ trường Tiểu học ban hành theo Thông tư 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020. Hiệu trưởng là đồng chí Nguyễn Thị Hương có 19 năm công tác, trong đó có 12 năm dạy học 7 năm làm công tác quản lý, có bằng Đại học sư phạm Tiểu học, có chứng chỉ quản lý giáo dục, có bằng Trung cấp Lý luận chính trị, có chứng chỉ Tiếng Anh, có chứng chỉ Tin học ứng dụng cơ bản. Đồng chí phó hiệu trưởng Kim Ngọc Thảo có 25 năm công tác, trong đó có 16 năm dạy học, 9 năm làm công tác quản lý, có bằng Đại học sư phạm Tiểu học, có bằng cử nhân quản lý giáo dục, có bằng Trung cấp Lý luận chính trị, có chứng chỉ Tiếng Anh, có chứng chỉ Tin học ứng dụng cơ bản [H2 - 2.1-0 1].

Hằng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá chuẩn hiệu trưởng. Cụ thể: Từ năm 2016 đến năm 2018 hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại xuất sắc (đánh giá theo Thông tư 14/2011- TT- BGD&ĐT ban hành ngày 8/4/2011, có hiệu lực từ ngày 23/5/2011), từ năm 2018 đến năm 2021 hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại khá trở lên (đánh giá theo Thông tư 14/2018/TT- BGD&ĐT ban hành ngày 20/7/2018, có hiệu lực từ ngày 4/9/2018) [H2-2.1-03].

Hàng năm hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ như: tập huấn thay sách, các chương trình dạy học lồng ghép, tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh, an toàn giao thông, tư vấn tâm lý học đường, chương trình dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học, tập huấn chuẩn nghề nghiệp, tập huấn thông tư 17 về công tác kiểm định chất lượng GD, và các chương trình khác theo quy định. Tuy nhiên, công tác tự bồi dưỡng, ứng dụng CNTT trong quản lý, sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng còn hạn chế [H2-2.1-06]; [H2-2.1-07].

Mức 2:

Từ năm 2016 đến năm 2021, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng từ mức khá trở lên. Từ năm 2016 đến năm 2018 hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại xuất sắc (đánh giá theo Thông tư 14/2011- TT- BGD&ĐT ban hành ngày 8/4/2011, có hiệu lực từ ngày 23/5/2011), từ năm 2018 đến năm 2021 hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại khá trở lên (đánh giá theo Thông tư 14/2018/TT- BGD&ĐT ban hành ngày 20/7/2018, có hiệu lực từ ngày 4/9/2018) [H2-2.1-03].

Hàng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định [H2-2.1-06]; thông qua quy trình lấy tín nhiệm quy hoạch, tín nhiệm bổ nhiệm cán bộ quản lý, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường nhà trường đều đạt số phiếu tín nhiệm cao, đủ điều kiện vào quy hoạch và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ [H2-2.1-08].

Mức 3:

Từ năm 2016 đến năm 2021, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt mức khá trở lên. Từ năm 2016 đến năm 2018 hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại xuất sắc (đánh giá theo Thông tư 14/2011- TT- BGD&ĐT ban hành ngày 8/4/2011, có hiệu lực từ ngày 23/5/2011), từ năm 2018 đến năm 2021 hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại khá trở lên (đánh giá theo Thông tư 14/2018/TT- BGD&ĐT ban hành ngày 20/7/2018, có hiệu lực từ ngày 4/9/2018) [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đủ tiêu chuẩn bằng cấp về chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý giáo dục, được xếp loại chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng từ mức khá trở lên. Được bồi dưỡng tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ quản lý, nâng cao trình độ lý luận chính trị và được CBGVNV tín nhiệm cao.

3. Điểm yếu

Công tác tự bồi dưỡng, ứng dụng CNTT trong quản lý, sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Tiếp tục phát huy năng lực quản lý của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Từ năm học 2021-2022	1. CBQL	- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nghiên cứu kỹ thực trạng và mục tiêu phát triển của nhà trường để xây dựng các kế hoạch phù hợp, có tính khả thi.
2. CBQL tự bồi dưỡng ngoại ngữ, nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng CNTT trong công tác quản lý.	Từ năm học 2021-2022	1. CBQL	- CBQL xây dựng kế hoạch tự học thêm tiếng Anh, Tin học - Chủ động sử dụng, ứng dụng CNTT vào quản lý nhà trường.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với GV

Mức 1:

a) Số lượng GV đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học; có GV làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ GV trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn.

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tính đến năm học thời điểm đánh giá, trường có 32 GV đạt tỷ lệ 1,6 GV/lớp. Trong đó 23 GV văn hóa, 9 GV chuyên biệt, số lượng GV nhà trường đảm bảo đủ về cơ cấu, số lượng theo Thông tư liên tịch số 16/2017/TT-BGD&ĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT [H1-1.7-03]; [H2-2.2-01]. Nhà trường có GV làm Tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh [H2-2.2-02].

Năm học 2020 – 2021 trường có 32 GV, trong đó có 1 GV trình độ TC chiếm 3,1 %, 17 GV trình độ CĐ chiếm 53,2%, 14 GV trình độ ĐH chiếm 43,75% [H2- 2.2- 03]; [H2- 2.2- 07]. Hiện nhà trường có 6 GV đang theo học ĐH. Việc nâng chuẩn GV được nhà trường thực hiện theo hai giai đoạn đến 31 tháng 12 năm 2025 đảm bảo có từ 50% GV có trình độ ĐH và đến 31 tháng 12 năm 2030 trường sẽ đạt 100% GV có trình độ ĐH [H2- 2.2- 08].

Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định. Trong đó năm từ năm học 2016-2017 đến năm học 2017-2018 GV được đánh giá theo Quyết định 14/2007/QĐ-BGD&ĐT được xếp loại trung bình 5,5 % khá 30% và xuất sắc 64,5%; từ năm học 2018-2019 đến năm 2020-2021 GV được đánh giá theo Thông tư 20/2018/TT-BGD&ĐT được xếp loại đạt 62,0%, khá 34,0% và tốt 4,0%. Tuy nhiên, một số GV đã lớn tuổi nên việc ứng dụng CNTT vào dạy học còn hạn chế [H2- 2.2- 05].

Mức 2:

Tính đến năm học 2020 – 2021 trường có 32 GV trong đó có 14 GV trình độ Đại học, 6 GV đang theo học Đại học; 3 GV trình độ Cao đẳng theo Nghị định Số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 không nằm trong khung độ tuổi đi đào tạo. Từ năm 2016 đến năm 2021 tỷ lệ GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì, ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-03]; [H2-2.2-04].

Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định. Trong đó từ năm học 2016-2017 đến năm học 2017-2018 GV được đánh giá theo Quyết định 14/2007/QĐ-BGD&ĐT được xếp loại trung bình 5,5 % khá 30% và xuất sắc 64,5%; từ năm học 2018-2019 đến năm 2020-2021 GV được đánh giá theo Thông tư 20/2018/TT-BGD&ĐT được xếp loại đạt 34,0%, khá 62,0% và tốt 4,0%. Như vậy trong 5 năm nhà trường có tỉ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá đạt trên 60 % [H2-2.2-05]; [H1-1.8-02].

Đội ngũ GV của nhà trường trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-06]; [H1-1.8-02].

Mức 3:

Tính đến thời điểm tự đánh giá trường có 32 GV, trong đó có 1 đ/c trình độ trung cấp sư phạm chiếm 3,1 %, có 17 đ/c trình độ cao đẳng chiếm 53,2%, có 14 đ/c đại học chiếm 43,75% [H2- 2.2- 03]. Hiện tại theo thông tư mới quy định tại Điều 30 Điều lệ trường Tiểu học thì số GV đạt chuẩn mới đạt 43,75%. Hiện nhà trường có 6 thầy cô đang theo học đại học. Việc nâng chuẩn GV được nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo hai giai đoạn đến 31 tháng 12 năm 2025 đảm bảo có từ 50% GV có bằng cử nhân và đến 31 tháng 12 năm 2030 trường sẽ đạt 100% GV có bằng cử nhân [H2- 2.2- 08]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có tỉ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên chưa đạt 80%, [H2-2.2-05].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV nhà trường đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, tỷ lệ GV đứng lớp đảm bảo theo quy định.

3. Điểm yếu

Một số GV lớn tuổi nên việc ứng dụng CNTT vào dạy học còn hạn chế, tỉ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên chưa đạt 80%. Trình độ đào tạo đạt chuẩn của GV theo thông tư mới còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Duy trì số lượng, cơ cấu GV.	Từ năm học 2021-2022 và	1. CBQL	- Hiệu trưởng nghiên cứu kỹ thực trạng và mục tiêu của nhà trường để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ phù hợp và đáp ứng được nhu cầu phát triển của nhà trường

	những năm tiếp theo		
2. - Tăng cường ứng dụng CNTT vào dạy học. - Nâng chuẩn nghề nghiệp của GV đạt mức khá trở lên đạt từ 80% trở lên - Trình độ đào tạo của GV đạt tỷ lệ chuẩn chưa cao.	Từ năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo	1. CBQL 2. GV	- Thành lập tổ CNTT để hỗ trợ GV còn hạn chế về CNTT. - Nhà trường tạo điều kiện để GV phát huy năng lực, tự học, tự rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Nhà trường có lộ trình, xây dựng kế hoạch, tạo điều kiện để GV được đi học nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu. - GV có kế hoạch trong việc đi học nâng cao trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với NV

Mức 1:

a) Có NV hoặc GV kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu NV đảm bảo theo quy định.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có NV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng số 08 NV, trong đó: 01 đồng chí NV kế toán kiêm văn thư; 01 NV y tế kiêm thủ quỹ; 01 NV thư viện, 1 NV thiết bị; 01 NV phục vụ; 03 NV bảo vệ. Các NV đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H2-2.3-01], [H2-2.3-02].

Đội ngũ NV của nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực và vị trí việc làm theo quy định của thông tư 16/2017/TT-BGD&ĐT. NV kế toán thực hiện nhiệm vụ công tác tài chính ngân sách, theo dõi công văn đi và đến, tổng hợp phân tích báo cáo; NV y tế thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho CBGVNV, HS và làm tốt công tác thủ quỹ của nhà trường; NV thư viện quản lý thư viện, hướng dẫn HS đọc sách và mượn trả sách; NV thiết bị quản lý thiết bị trường học, mượn trả đồ dùng dạy học; NV phục vụ trường học hỗ trợ làm công tác PCGD, KĐCL, tuyển sinh đầu cấp và các hoạt động giáo dục khác; NV bảo vệ thực hiện tốt công tác an ninh trật tự của nhà trường [H2- 2.3- 02]; [H2-2.3- 03].

Từ năm 2016 đến năm 2021 đội ngũ NV của nhà trường luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao theo các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công. [H2-2.3-04]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu NV đảm bảo theo quy định tại Thông tư 16/2017/TT-BGD&ĐT [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02]; [H2-2.3-03].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có NV nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-06]; [H1-1.8-02].

Mức 3:

NV kế toán kiêm văn thư có bằng cử nhân chuyên ngành kế toán, NV y tế kiêm thủ quỹ có bằng trung học chuyên nghiệp chuyên ngành đa khoa, NV thư viện có bằng trung cấp chuyên ngành thư viện - thiết bị, NV thiết bị có bằng trung cấp chuyên ngành thư viện- thiết bị 01 NV phục vụ, 02 NV bảo vệ và 02 NV khác có trình độ phù hợp đáp ứng được khung vị trí việc làm [H2-2.3-02]; [H2-2.3-05].

Hằng năm, NV kế toán, y tế, thư viện - thiết bị của nhà trường được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do PGD tổ chức. Tuy nhiên NV bảo vệ và một số NV khác chưa được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn theo vị trí việc làm [H2-2.3-06]; [H2-2.3-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng và cơ cấu NV đảm bảo theo quy định, đội ngũ NV có tinh thần trách nhiệm cao và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Một số NV của nhà trường chưa được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn theo vị trí việc làm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Duy trì cơ cấu số lượng NV, phát huy tinh thần trách nhiệm cao trong công việc của đội ngũ NV.	Từ năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo	1. Hiệu trưởng 2. NV	- Hiệu trưởng nghiên cứu kỹ thực trạng và mục tiêu của nhà trường để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ phù hợp và đáp ứng được nhu cầu phát triển của nhà trường. - NV xác định rõ nhiệm vụ được phân công, chủ động xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ, chấp hành nghiêm nội quy làm việc và những quy định của nhà trường.
2. Đề xuất, tạo điều kiện để NV bảo vệ và một số NV khác của nhà trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn theo vị trí việc làm.	Từ năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo	1. Hiệu trưởng 2. NV	- Hiệu trưởng đề xuất với Phòng GD&ĐT Mỹ Đức xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn thêm về chuyên môn, nghiệp vụ cho NV bảo vệ và một số NV khác. - Hiệu trưởng sắp xếp, bố trí thời gian, tạo mọi điều kiện, hỗ trợ một phần kinh phí từ nguồn ngân sách, theo dõi thực hiện của NV mỗi khi có công văn mời NV tham gia tập huấn.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt

a	Đạt	a	Đạt	a	Không Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với HS

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi HS Tiểu học theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, có các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

HS có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 100% HS đảm bảo đúng độ tuổi theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ Trường Tiểu học [H5-5.4-03].

HS trong nhà trường thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ được quy định tại Điều 34 của Điều lệ trường Tiểu học: HS của nhà trường thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường. HS biết kính trọng cha mẹ, thầy cô giáo, cán bộ công NV của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, thực hiện nội quy nhà trường. HS biết rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. HS được tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường, của lớp, của Đội TNTP Hồ Chí Minh, thực hiện trật tự an toàn giao thông. HS có ý thức giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; xây dựng và phát huy truyền thống nhà trường [H1-1.8-02]; [H2-2.4-01].

HS nhà trường được đảm bảo 05 quyền theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ trường Tiểu học như: Được học tập; được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng, được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh an toàn để học tập và rèn luyện. Các em được học tập và tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu được chăm sóc và giáo dục hòa nhập theo quy định [H2-2.4-01]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Trong 5 năm vừa qua nhà trường không có HS nào vi phạm các hành vi không được làm. Học sinh của nhà trường luôn có ý thức thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của HS theo điều 34 của Điều lệ trường Tiểu học như: Học tập, rèn luyện theo kế hoạch giáo dục, nội quy của nhà trường; thực hiện đầy đủ và hiệu quả nhiệm vụ học tập, biết cách tự học dưới sự hướng dẫn của GV, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân; chấp hành tốt nội quy của nhà trường biết hiếu thảo với ông bà cha mẹ, lễ phép với thầy cô, đoàn kết với bạn bè; tích cực tham gia đầy đủ các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp phát huy truyền thống của nhà trường. Tuy nhiên một số ít HS chưa có ý thức tự giác cao trong học tập và rèn luyện [H1-1.8-02]; [H5-5.3-03].

Mức 3:

Trong 5 năm học vừa qua, HS trong nhà trường có hơn 218 lượt HS đạt giải cấp huyện, 2 em đạt giải thành phố môn toán và tiếng Anh trên internet và 6 em đạt giải vẽ tranh cấp thành phố (trong đó có 01 giải Đặc biệt, 02 Giải A, 01 Giải B và 02 Giải C). Thành tích trong học tập, rèn luyện của các em HS đó là tấm gương sáng tiêu biểu, có ảnh hưởng tích cực đến phong trào học tập, các hoạt động của lớp và nhà trường. [H1-1.8-02]; [H2-2.4-01]; [H2-2.4-02].

2. Điểm mạnh

HS nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi đến trường theo quy định. HS của nhà trường được đảm bảo quyền theo quy định, có ý thức thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của HS theo Điều lệ trường Tiểu học.

3. Điểm yếu

Một số ít HS chưa có ý thức tự giác cao trong học tập và rèn luyện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Duy trì độ tuổi HS theo quy định, đảm bảo quyền cho HS theo quy định, giáo dục ý thức thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của HS	Từ năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo	1. CBQL 2. TPT Đội 3. GV	- CBQL thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục. - TPT Đội phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và Đội, GV trong nhiệm vụ giáo dục HS - Nhà trường cần xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả Quy chế thi đua khen thưởng.

2. Quan tâm, tạo điều kiện để giáo dục, nhắc nhở HS có ý thức tự giác trong học tập và rèn luyện.	Từ năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo	1. CBQL 2. TPT Đội 3. GV 4. CMHS	<ul style="list-style-type: none"> - CBQL, GV thường xuyên nhắc nhở, trao đổi thông tin tới CMHS quan tâm tới con em mình hơn nữa. TPT Đội, đội sao đỏ thường xuyên tổ chức kiểm tra nề nếp và ý thức của HS các lớp. - GV tìm hiểu rõ hoàn cảnh gia đình các em, nhắc nhở kết hợp động viên, giúp đỡ các em thường xuyên. - CMHS có trách nhiệm hơn trong việc trao đổi thông tin hai chiều với nhà trường, với GV chủ nhiệm.
---	---	--	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đủ tiêu chuẩn bằng cấp về chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý giáo dục, được xếp loại chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng từ mức khá trở lên. Được bồi dưỡng tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ quản lý, nâng cao trình độ lý luận chính trị và được CBGVNV tín nhiệm cao.

Đội ngũ GV nhà trường đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, tỷ lệ GV đứng lớp đảm bảo theo quy định.

NV đủ về số lượng, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật cao, đoàn kết, nhất trí trong công tác và được bảo đảm đúng, đủ về chế độ, chính sách theo quy định.

HS nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi đến trường theo quy định. HS của nhà trường được đảm bảo quyền theo quy định, có ý thức thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của HS theo Điều lệ trường Tiểu học.

Điểm yếu

Công tác tự bồi dưỡng, ứng dụng CNTT trong quản lý, sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng còn hạn chế.

Một số GV lớn tuổi nên việc ứng dụng CNTT vào dạy học còn hạn chế, tỉ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên chưa đạt 80%. Trình độ đào tạo đạt chuẩn của GV theo thông tư mới còn thấp.

Một số NV khác của nhà trường chưa được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn theo vị trí việc làm.

Một số ít HS chưa có ý thức tự giác cao trong học tập và rèn luyện.

- Số lượng tiêu chí: 4 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí không đạt: 0
- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 4/4 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 4/4 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 2/4 tiêu chí

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Trường Tiểu học Bột Xuyên có 1 điểm trường chính nằm ở thôn Bột Xuyên và một điểm trường nằm ở thôn Lai Tảo. Hiện nay, được sự quan tâm đầu tư của lãnh đạo các cấp và sự ủng hộ của nhân dân địa phương, hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đang được xây dựng, bổ sung để đảm bảo nhà trường có đầy đủ khôi phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ tốt công tác quản lý, dạy và học theo đúng quy định của Điều lệ trường Tiểu học.

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả việc huy động các nguồn lực nhằm tăng cường CSVC, phương tiện thiết bị giáo dục phục vụ cho hoạt động giáo dục. Nhà trường thường xuyên thực hiện các biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục hiện có nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định.

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho HS luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Khuôn viên cả hai điểm trường đều có hệ thống cây xanh, có nhiều cây được trồng lâu năm tạo không khí mát mẻ, trong lành. Công tác vệ sinh của nhà trường được làm thường xuyên hằng ngày nên rất sạch sẽ. Khuôn viên được trang trí bằng các tác phẩm, biểu trưng, khẩu hiệu phù hợp với môi trường giáo dục đảm bảo tính thẩm mỹ và an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01]; [H1-1.8-02].

Cả hai điểm trường của nhà trường đều có cổng trường, biển trường. Biển trường được ghi đầy đủ, rõ ràng theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Điều lệ trường Tiểu học cụ thể như: Đơn vị chủ quản, tên trường theo dấu của nhà trường, địa chỉ, đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ. Xung quanh trường được xây tường bao quanh cao 1,8m đảm bảo an ninh trong và ngoài nhà trường [H3-3.1-03].

Sân chơi cả hai điểm trường được lát gạch sạch sẽ, sân tập rộng rãi, sạch sẽ, thoáng mát và đảm bảo an toàn cho HS vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao. [H3-3.1-04].

Mức 2:

Diện tích xây dựng công trình, diện tích sân vườn bao gồm (cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao) và diện tích giao thông nội bộ đảm bảo theo đúng Thông tư số 13/ 2020/TT BGD&ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể: Tổng diện tích khuôn viên nhà trường là 8225m² [H3-3.1-07]. Bình quân 12,5m²/ HS đảm bảo vượt mức theo quy định. Diện tích xây dựng công trình của nhà trường là 2160m² đảm bảo không vượt quá 40 % tổng diện tích. Diện tích sân vườn bao gồm (cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao) của nhà trường là 4385 m² đảm bảo không nhỏ hơn 40 % tổng diện tích. Diện tích giao thông nội bộ của nhà trường là 1680 m² đảm bảo không dưới 20 % tổng diện tích [H3-3.1-02]; [H3-3.1-05].

Sân chơi, sân tập rộng rãi, sạch sẽ, có nhiều cây xanh, thoáng mát, đảm bảo cho HS vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao thường xuyên an toàn và hiệu quả [H3-3.1-02]; [H3-3.1-04].

Mức 3:

Sân chơi, sân tập của nhà trường được lát gạch bằng phẳng, sạch sẽ, có nhiều cây bóng mát được trang bị đồ chơi và thiết bị vận động. Tuy nhiên, thiết bị vận động còn thiếu so với quy định [H3-3.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích đảm bảo tiêu chuẩn, khuôn viên sạch, đẹp, có nhiều cây xanh, thoáng mát và an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Thiết bị vận động của nhà trường còn thiếu so với quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Duy trì cảnh quan, môi trường của nhà trường xanh, sạch đẹp, an toàn	Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo	1. CBQL 2. TPT Đội 3. GV, NV	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm, có kế hoạch xây dựng, tu sửa, tạo cảnh quan nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. - TPT Đội phối hợp chặt chẽ với GV, NV trong nhiệm vụ giáo dục HS giữ gìn bảo vệ môi trường - GV, NV thường xuyên nhắc nhở HS thực hiện tốt nếp vệ sinh trường lớp, chăm sóc và bảo vệ cây xanh.
2. - Bổ sung, trang bị đồ chơi và thiết bị vận động để HS có điều kiện vui chơi, học tập và rèn luyện an toàn và hiệu quả.	Năm học 2021-2022	1. CBQL 2. TPT Đội 3. GV, NV kế toán, NV thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> - CBQL đề xuất PGD cấp đầy đủ, kịp thời, bổ sung đầy đủ các thiết bị vận động cho HS lớp 1,2 - NV kế toán và NV thiết bị xây dựng kế hoạch đề xuất mua sắm bổ sung thêm một số đồ chơi và thiết bị vận động cho Hs lớp 3,4,5. - NV thiết bị kết hợp với GV và TPT Đội nhắc nhở HS chơi và sử dụng các đồ chơi và thiết bị vận động hiệu quả, an toàn.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tự đánh giá: Đạt mức 2**Tiêu chí 3.2: Phòng học***Mức 1:*

- a) *Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*
- b) *Bàn, ghế HS đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho HS; có bàn ghế phù hợp cho HS khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế GV, bảng lớp theo quy định;*
- c) *Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

- a) *Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định.*
- b) *Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học.*
- c) *Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế HS theo quy định.*

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

Hiện nay, nhà trường có 20 phòng học đủ cho 20 lớp, đảm bảo mỗi lớp một phòng học riêng đảm bảo học sinh được học 2 buổi/ngày. Quy cách mỗi phòng học phù hợp với quy định tại Thông tư số 13/ 2020/TT BGD&ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ GD&ĐT, cụ thể: Được trang bị bàn, ghế HS và đủ chỗ ngồi cho HS; bàn, ghế GV; bảng lớp, đèn quạt... các phòng học đảm bảo đủ ánh sáng thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông... [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Nhà trường có 350 bộ bàn ghế loại 2 chỗ đủ chỗ ngồi cho HS. Trong đó có

75 bộ bàn ghế HS loại 2 chỗ ngồi, ghế rời đều có thành tựa kích thước, kiểu dáng phù hợp so với quy định của bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế; 275 bộ bàn ghế liền không đúng tiêu chuẩn. Nhà trường có 4 HS khuyết tật nhưng không có HS khuyết tật vận động nên đã được bố trí bàn ghế, chỗ ngồi phù hợp. [H3-3.2-02] Tất cả các phòng đều được trang bị một bàn quỳ và một ghế tựa cho GV, phòng học đều trang bị bảng chống lóa, bảng trong lớp học đặt vuông góc và cách bục giảng 80cm, bảng có màu xanh với kích thước là 1.8m x 1.2m được treo vị trí giữa lớp học, cao cách nền phòng học là 90cm đảm bảo HS cả lớp quan sát tốt [H3-3.2-03].

Hiện tại, mỗi phòng học đều trang bị hệ thống đèn chiếu sáng gồm 8 bộ bóng đèn đảm bảo đủ ánh sáng, 4 chiếc quạt trần đảm bảo đủ thoáng mát cho HS. Đồng thời, các phòng học đều có 01 tủ đúng tiêu chuẩn để dùng chung cho đựng hồ sơ và thiết bị dạy học [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 2:

Diện tích các phòng học đảm bảo phù hợp theo định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình Trường Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 13/ 2020/TT BGD&ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể: Diện tích mỗi phòng học 48m², bình quân đạt 1,37m²/HS, vượt so với tiêu chuẩn quy định là 0,02m²/HS [H3-3.1-02]; [H3-3.2-02].

Thiết bị dạy học được trang bị đầy đủ tại các tủ lớp. Cụ thể: Lớp 1 có đủ thiết bị dạy học theo Thông tư 05/2019/TT-BGD&ĐT ngày 05 tháng 4 năm 2019; các lớp 2,3,4,5 thiết bị dạy học có tương đối đầy đủ theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học như: Bộ đồ dùng học Toán, Tiếng Việt, Kỹ thuật, Thủ công, thước kẻ, thẻ học tập, tranh ảnh... đều được sắp xếp hợp lý, thuận tiện khi sử dụng. Tuy nhiên, thiết bị dạy học ở một số môn học vẫn chưa đầy đủ so với quy định [H3-3.2-04]; [H3-3.2-05].

Bàn ghế HS tương đối đồng bộ phù hợp với mọi đối tượng HS. Tất cả bàn ghế khung đều được làm bằng sắt, ván gỗ, được kết cấu chắc chắn, chịu lực, chịu nước không cong vênh không độc hại, chịu được sự di chuyển thường xuyên [H3-3.2-02]; [H3-3.2-06]; [H3-3.2-07].

Mức 3:

Nhà trường có các phòng riêng biệt để dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học và Ngoại ngữ. Cụ thể: có 01 phòng giáo dục nghệ thuật còn dùng chung để dạy Âm nhạc và Mỹ thuật diện tích là 54m² còn thiếu so với quy định 6m², có 01 phòng Ngoại ngữ diện tích 63m² đảm bảo định mức không nhỏ hơn 50m² để dạy môn khoa học và ngoại ngữ, có 01 phòng HS khuyết tật diện tích 23,76m² ở tầng 1 dùng làm phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục HS khuyết tật, HS năng khiếu. [H3-3.1-02] Tuy nhiên, các phòng bộ môn chưa được trang bị đầy đủ thiết bị như máy tính, đài, máy chiếu, bảng tương tác, đàn, giá vẽ... và một số phòng đang dùng chung.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng học, diện tích phòng học đảm bảo theo quy định. Các phòng học đều được trang bị hệ thống quạt và bóng điện đảm bảo ánh sáng và thoáng mát.

3. Điểm yếu

Tủ hồ sơ đang dùng chung, thiết bị dạy học ở một số môn học vẫn chưa đầy đủ. Một số phòng bộ môn đang dùng chung và chưa được trang bị đầy đủ thiết bị như máy tính, đài, máy chiếu, bảng tương tác, đàn, giá vẽ....

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Duy trì và có kế hoạch phát triển CSVC nhà trường đầy đủ, từng bước hiện đại.	Tháng 8 năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo	1. CBQL 2. NV thiết bị 3. GV, HS	<ul style="list-style-type: none"> - Trong từng giai đoạn phù hợp, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, đề xuất cấp trên xây dựng, tu sửa, bổ sung CSVC cho nhà trường. - NV thiết bị kiểm tra thường xuyên, định kỳ CSVC nhà trường như: Đèn, quạt, bàn ghế, tủ...và các thiết bị dạy học có kế hoạch báo cáo và tu sửa kịp thời khi có dấu hiệu xuống cấp. - GV, HS cần thực hiện tốt việc giữ gìn và bảo vệ tài sản, thiết bị và đồ dùng dạy học.
2. Bổ sung, trang bị các thiết bị cho các phòng học bộ môn, Tách các phòng đang dùng chung.	Năm học 2021-2022	1. CBQL 2. NV kế toán, NV thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu trưởng nhà trường làm tờ trình đề nghị UBND xã, Phòng GD tham mưu với UBND huyện đầu tư xây thêm phòng để tách phòng âm nhạc và mỹ thuật, xin kinh phí mua bổ sung và thay thế bàn ghế chưa đúng chuẩn, bổ sung thêm thiết bị dạy học. - NV kế toán và NV thiết bị xây dựng đề xuất mua sắm bổ sung thêm một số đồ thiết bị đồ dùng dạy học của một số môn còn thiếu của lớp 3,4,5.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tự đánh giá: Đạt mức 2**Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị***Mức 1:*

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, NV và HS.

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

Nhà trường có 01 phòng giáo dục nghệ thuật diện tích 54m² được dùng chung cho dạy môn âm nhạc và mỹ thuật, 01 phòng học tin học có diện tích 54m² đảm bảo theo quy định không nhỏ hơn 50m², 01 phòng thiết bị giáo dục có diện tích 47,52m² đảm bảo theo quy định không nhỏ hơn 48m², 01 phòng truyền thống kết hợp với phòng Đội có diện tích 71,28m² đảm bảo theo quy định diện tích tối thiểu 54m². Các phòng theo thiết kế và kế hoạch mua sắm trang thiết bị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục [H3-3.1-02]; [H3-3.3-01].

Khối phòng hành chính – quản trị hiện có của nhà trường đảm bảo đủ theo Thông tư số 13/2020/TT BGD&ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể: Phòng làm việc của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều có diện tích 23,76m² đảm bảo quy định. Văn phòng có diện tích 23,76m² bố trí ở tầng 1, phòng hội đồng GV được đặt ở tầng 2 khu A với diện tích 71,28m² diện tích bình quân 1,58m²/người. Phòng thường trực bảo vệ vị trí gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi có diện tích là 16m² đảm bảo định mức quy định, có phòng tổ chức Đảng, đoàn thể theo kế hoạch được nhà trường bố trí tại tầng 3 khu A (Thay phòng tổ bộ môn) đảm bảo đủ điều kiện để hoạt động. Toàn bộ thiết bị hiện có đã được nhà trường thống kê và sắp xếp, các thiết bị còn thiếu đã được UBND huyện đồng ý phê duyệt cho mua sắm đảm bảo đủ điều kiện tối thiểu để hoạt động [H3-3.1-02]; [H3-3.3-06].

Mỗi điểm trường đều có nhà xe cho CBGVNV và HS, cụ thể: điểm trường khu A có dãy nhà xe được bố trí bên phải cổng vào có diện tích 217m², khu B nhà để xe được bố trí bên trái cổng vào có diện tích 64,8m². Khu vực để xe đều có mái che, đảm bảo rộng, thoáng và đảm bảo an toàn, trật tự và đủ chỗ cho CBGVNV, và HS [H3-3.1-02]; [H3-3.3-02].

Mức 2:

Khối phòng phục vụ học tập bao gồm khối phòng học tập và khối phòng hỗ trợ học tập đảm bảo theo Thông tư số 13/ 2020/TT BGD&ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể: Nhà trường hiện có 20 phòng học đảm bảo mỗi lớp 1 phòng riêng [H3-3.2-01]. Các phòng còn lại như: 01 phòng Thư viện, 01 phòng Khoa học - Công nghệ để dạy Tự nhiên xã hội, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng Âm nhạc và Mỹ thuật, 01 phòng Tin học, 01 phòng Thiết bị, 01 phòng Truyền thông và HĐ Đoàn Đội, 01 phòng Tư vấn học đường và hỗ trợ HSKT, mỗi điểm trường có 01 phòng nghỉ cho GV. Khối phòng phục vụ học tập, và khối phòng hành chính - quản trị đều đảm bảo về diện tích và theo kế hoạch được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ cho hoạt động tối thiểu [H3-3.1-02]; [H3-3.3-06].

Nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung của nhà trường được bố trí một phòng riêng có diện tích 23,76m² đặt ở tầng 3. Trong kế hoạch có đầy đủ tủ, giá để trưng bày sắp xếp hồ sơ ngăn nắp, thuận tiện [H3-3.1-02].

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị theo kế hoạch có được trang bị các thiết bị để hỗ trợ các hoạt động nhà trường nhưng chưa đầy đủ [H3-3.3-02].

2. Điểm mạnh

Khối phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo theo quy định. Khu để xe của cả hai điểm trường đều được bố trí hợp lý, an toàn và thuận tiện.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa đủ phòng để tách riêng phòng Âm nhạc và Mỹ thuật. Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị chưa được trang bị đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ các hoạt động nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Nhà trường duy trì CSVC, thiết bị khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính-quản trị hiện có.	Năm học 2021 - 2022	1. Hiệu trưởng	- Hiệu trưởng lên kế hoạch sử dụng hiệu quả, bảo quản tốt hệ thống các khối phòng và thiết bị hiện có. gắn với nhiệm vụ thực hiện của cá nhân, bộ phận để phân công cụ thể từng đối tượng quản lý các phòng.
2. Bổ sung CSVC thuộc khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính-quản trị còn thiếu. Tách các phòng đang bố trí dùng chung.	Năm học 2021 - 2022	1. Hiệu trưởng	- Hiệu trưởng nhà trường làm tờ trình đề nghị UBND xã, Phòng GD tham mưu với UBND huyện đầu tư xây thêm phòng để đảm bảo các phòng không phải dùng chung.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, GV, NV, HS đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho GV, NV và HS;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiện tại, nhà trường mỗi điểm trường đều có khu vệ sinh dành cho GV và khu vệ sinh dành cho HS. Tất cả các khu vệ sinh đều được bố trí nam, nữ riêng biệt. Các khu vệ sinh được lắp đặt đầy đủ thiết bị đảm bảo đúng quy cách quy định, thoáng, đẹp, an toàn, phù hợp với cảnh quan trường học [H3-3.4-01]. Hệ thống công trình vệ sinh của nhà trường gồm 4 khu dành cho GV và 6 khu dành cho HS (trong đó điểm trường khu B có 2 khu dành cho HS và 1 khu dành cho GV, điểm trường khu A khu 3 tầng đang xây dựng mỗi tầng đều có 1 khu vệ sinh dành cho GV và 1 khu vệ sinh dành cho HS. Tất cả các khu vệ sinh ở cả 2 điểm trường đều được bố trí nam, nữ riêng biệt, đảm bảo đúng quy cách, thoáng, đẹp, an toàn, phù hợp với cảnh quan trường học, tiện lợi và không gây ô nhiễm môi trường [H3-3.1-02].

Hệ thống thoát nước của nhà trường ở cả 2 điểm trường đều đảm bảo vệ sinh môi trường, cống rãnh thoát nước tốt kể cả khi mưa lớn, mưa dài [H3-3.4-02]. Nguồn nước sinh hoạt cho GV, NV và HS đều lấy từ giếng khoan sâu trên 50m được bơm lên và lọc qua bể cát 3 lớp dày 60cm, bể chứa nước có nắp đậy đảm bảo an toàn, sạch sẽ hợp vệ sinh. Nước uống cho GV NV và HS được nhà trường hợp đồng với công ty nước Happy'Sly nên đảm bảo tuyệt đối an toàn [H3-3.4-03].

Các lớp học đều có thùng đựng rác riêng, thùng rác có nắp đảm bảo vệ sinh. Hằng ngày, nhà trường đều có NV thu gom rác thải, yêu cầu làm vào cuối mỗi buổi học. Sân trường đều được trang bị thùng đựng rác có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Tuy nhiên, rác thải của nhà trường chưa được phân loại trước khi thu gom xử lý [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05].

Mức 2:

Khu vệ sinh của nhà trường hiện có khá đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan, thuận tiện sử dụng, không ảnh hưởng đến môi trường [H3-3.4-01]. Các khu đang xây dựng đảm bảo đúng Thông tư số 13/2020/TT BGD&ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể: Các khu vệ sinh được bố trí phù hợp theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt và có đầy đủ thiết bị như: Chậu tiểu, chậu xí, chậu rửa, máng tiểu.... thiết kế đảm bảo theo quy định. Tổng diện tích các khu vệ sinh dành cho HS là 182m², bình quân đạt 0,28m²/hs đảm bảo theo quy định. Diện tích của từng phòng vệ sinh của GV, NV theo thiết kế là 23,76m²/phòng [H3-3.1-02].

Nguồn nước uống cho GV, NV, HS được cung cấp bởi công ty nước sạch Happy'Sly được kiểm nghiệm chất lượng đảm bảo an toàn khi uống trực tiếp. Nước sinh hoạt của nhà trường được sử dụng từ giếng khoan thông qua hệ thống lọc và cũng được nhà trường lấy mẫu đi kiểm nghiệm chất lượng nước đảm bảo cho sinh hoạt đáp ứng quy định về công tác y tế trường học [H3-3.4-03]; [H3-3.4-06]. Hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt của nhà trường đảm bảo không có nước ứ đọng xung quanh trường lớp. Các rãnh thoát nước đều được thu vào hố ga trước khi chảy ra hệ thống cống chung [H3-3.4-02]. Công tác thu gom và xử lý rác thải của phòng y tế được thực hiện đúng theo yêu cầu của Bộ GD và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-04]. Hằng ngày, tất cả rác đều được thu gom cho vào thùng và chở đi đến nơi xử lý của công ty môi trường [H3-3.4-05]; [H3-3.4-07].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống công trình vệ sinh của nhà trường bảo đảm đầy đủ cho GV và HS. Các khu vệ sinh hiện có đảm bảo đúng quy cách quy định, sạch sẽ, thoáng, đẹp, an toàn, phù hợp với cảnh quan trường học, tiện lợi, an toàn và không gây ô nhiễm môi trường. Nguồn nước uống và sinh hoạt cho GV, NV, HS đều được kiểm nghiệm chất lượng đảm bảo an toàn. Công tác vệ sinh của nhà trường luôn luôn sạch sẽ và không gây ô nhiễm môi trường.

3. Điểm yếu

Trong quá trình thu gom rác, rác thải chưa được phân loại trước khi chuyển đi để xử lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Nhà trường cần duy trì công trình vệ sinh hiện có và công tác vệ sinh môi trường của nhà trường.	Năm học 2021 - 2022 và những năm tiếp theo	1. NV Y tế 2. TPT Đội	- Nhà trường giao trực tiếp cho đồng chí NV y tế thường xuyên kiểm tra các thiết bị vệ sinh, công tác vệ sinh của các lớp và khuôn viên trường đảm bảo luôn sạch sẽ và không gây ô nhiễm môi trường. - TPT Đội làm công tác tuyên truyền cho HS bảo vệ môi trường....
2. Nhà trường cần xây dựng KH cụ thể công tác phân loại rác của nhà trường.	Năm học 2021 - 2022	1. NV Y tế	- NV y tế tập huấn cho GV và HS biết cách phân loại rác theo đúng tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

	và những năm tiếp theo	2. TPT Đội	- TPT Đội duy trì các đội sao đỏ, đội tự quản để đôn đốc, nhắc nhở và đánh giá việc thực hiện phân loại rác thải của các lớp để có biện pháp khắc phục kịp thời.
--	------------------------------------	---------------	--

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-		-	-
Đạt		Đạt		-	

Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

- a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;
- b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường bao gồm: 6 máy tính, 3 máy in, 3 máy chiếu, bàn ghế,

tủ văn phòng, sổ sách... tất cả đều đang hoạt động và sử dụng tốt [H3-3.5-01]; [H3-3.5-04].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ cho giảng dạy và học tập ở các môn học (Đối với lớp 1 được quy định tại Thông tư 05/2019/TT-BGD&ĐT, ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ GD&ĐT, đối với lớp 2,3,4,5 được quy định tại Thông tư 15/2009/TT-BGD&ĐT, ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ GD&ĐT. Do hiện nay, nhà trường đang trong quá trình xây dựng nên đồ dùng dạy học được cấp phát về các lớp [H3-3.2-04]; [H3-3.5-03].

Kết thúc năm học, nhà trường kiểm kê lại toàn bộ đồ dùng dạy học để bảo quản, sửa chữa nếu hư hỏng. [H3-3.5-05] Có kế hoạch bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học cho năm học tới. Dự toán các khoản tiền phục vụ cho công tác bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, đồ dùng dạy học. NV thiết bị và GV chủ nhiệm thường xuyên sửa chữa, chỉnh trang thiết bị dạy học đảm bảo sử dụng bền lâu [H3-3.5-06]; [H3-3.5-08].

Mức 2:

Hệ thống máy tính của nhà trường đều được kết nối Internet qua hệ thống mạng dây và Wifi. 100% các phòng học có kết nối Internet để giúp giáo viên có điều kiện tra cứu tài liệu phục vụ cho hoạt động dạy học [H3-3.5-07].

Thiết bị dạy học được trang bị tương đối đầy đủ đặc biệt đối với HS khối lớp 1 được trang bị đồ dùng theo quy định tại Thông tư 05/2019/TT-BGD&ĐT, ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ GD&ĐT. Cụ thể: Mỗi HS lớp 1 đều có 01 bộ đồ dùng học Toán và 01 bộ thẻ chữ học văn thực hành của môn Tiếng Việt. Đồ dùng dạy học môn Toán có 20 bộ, đối với môn Tiếng Việt có: 5 bộ mẫu chữ viết và tập viết. Môn Kỹ thuật: Có 12 bộ dụng cụ, vật liệu cắt, khâu, thêu; bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật Tiểu học (dành cho HS lớp 4 và 5) 2 bộ; đối với môn Tự nhiên xã hội, Khoa học có 11 bộ thí nghiệm, tranh, ảnh có 120 tờ các môn [H3-3.2-04]; [H3-3.5-03] và các thiết bị đang chờ tại gói thầu và dự toán mua sắm tập trung [H3-3.3-06].

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào danh mục tối thiểu thường xuyên bổ sung thiết bị dạy học, kinh phí được lấy từ ngân sách chi thường xuyên [H3-3.5-08]. Bên cạnh đó các năm nhà trường đều tổ chức thi đồ dùng dạy học để lựa chọn đồ dùng phù hợp bổ sung cho thiết bị dạy học như: đồ dùng dạy Toán, Tiếng Việt, Lịch sử, Tự nhiên, kinh phí nhà trường hạn chế, chất lượng đồ dùng từ cuộc thi đồ dùng tự làm chưa cao, công tác tự làm, tự sưu tầm đồ dùng dạy học của GV còn ít nên thiết bị dạy học vẫn chưa đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học của GV và HS [H3-3.5-09].

Mức 3:

Thiết bị dạy học còn thiếu, thiết bị dạy học tự làm còn hạn chế, việc khai thác, sử dụng thiết bị dạy học của một số GV còn chưa thường xuyên hiệu quả nên chưa đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính đều được kết nối Internet qua hệ thống mạng dây và Wifi đảm bảo đường truyền ổn định đáp ứng tốt cho công tác quản lý, hoạt động dạy học.

3. Điểm yếu:

Thiết bị dạy học còn thiếu chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học của GV và HS. Chất lượng đồ dùng từ cuộc thi đồ dùng tự làm chưa cao, công tác tự làm, tự sưu tầm đồ dùng dạy học của GV còn ít,

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Cần làm tốt công tác bảo quản thiết bị của nhà trường.	Năm học 2021 - 2022 và những năm tiếp theo	1. CBQL, NV thiết bị	- Hiệu trưởng giao cho đồng chí NV thiết bị thường xuyên rà soát định kỳ, kiểm tra số lượng và chất lượng thiết bị của nhà trường, đồng thời có kế hoạch bổ sung, sửa chữa....
2. Cần khắc phục công tác đồ dùng tự làm và bổ sung thiết bị dạy học	Năm học 2021 - 2022 và những năm tiếp theo	1. CBQL	- Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu đẩy nhanh gói thiết bị theo kế hoạch của nhà trường. - Đồng chí Phó Hiệu trưởng lên kế hoạch tổ chức hiệu quả cuộc thi đồ dùng tự làm, phát động phong trào tự làm, tự sưu tầm đồ dùng.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	c	Đạt	-	-

Đạt	Đạt	Không đạt
-----	-----	-----------

Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, GV, NV, HS;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, GV, NV và HS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện nhà trường đang được xây dựng hoàn thiện, sách báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo để phục vụ hoạt động dạy học đều được bố trí tại phòng học. Theo kế hoạch Thư viện có hệ thống tủ đựng sách báo, bàn làm việc, máy tính và được trang trí đẹp và đúng quy định. Hiện tại thư viện có 320 quyển sách giáo khoa đủ cho mỗi khối lớp 8 bộ, sách nghiệp vụ có 200 quyển đủ cho mỗi môn trên mỗi khối có 5 quyển, sách tham khảo có 600 quyển và một số tranh ảnh [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

Thư viện nhà trường đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, GV, NV, HS [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04]. NV thư viện nhiệt tình, thường xuyên theo dõi, cập nhật số lượt đọc giả đến đọc, mượn và trả sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo của GV, HS đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động dạy và học của cán bộ quản lý, GV, NV, HS [H3-3.6-08]; [H3-3.6-09].

Hằng năm, thư viện nhà trường đều được kiểm kê từ đó có kế hoạch mua bổ sung sách báo, tài liệu tham khảo, tranh ảnh.... cho thư viện, đáp ứng các yêu cầu dạy và học của GV và HS, kinh phí được lấy từ ngân sách chi thường xuyên của nhà trường [H3-3.6-02]; [H3-3.6-05]. Nhà trường tổ chức tốt phong trào quyên góp xây dựng tủ sách Kim Đồng, sách giáo khoa dùng chung cho thư viện từ HS và các nhà hảo tâm [H3-3.6-06].

Mức 2:

Thư viện nhà trường đáp ứng đủ 5 tiêu chuẩn được quy định tại QĐ 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và được công nhận thư viện chuẩn [H3-3.6-07].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, GV, NV và HS [H3-3.6-09].

2. Điểm mạnh

Hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, GV, NV và HS. Thư viện nhà trường hoạt động nghiêm túc theo lịch thư viện. Sách, báo trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của CBGV và HS.

3. Điểm yếu

Thư viện nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Nhà trường cần duy trì các hoạt động đáp ứng bộ tiêu chuẩn thư viện chuẩn.	Năm học 2021 - 2022 và những năm tiếp theo	1. Hiệu trưởng, 2. NV thư viện.	- NV thư viện có kế hoạch kiểm kê thường xuyên số lượng sách báo đảm bảo luôn luôn đủ về số lượng, phong phú, đa dạng duy trì tốt hoạt động của thư viện. Hiệu trưởng có kế hoạch làm tờ trình mua sắm bổ sung kịp thời để đáp ứng lộ trình thay sách của Bộ Giáo dục.
2. Nhà trường cần có kế hoạch xây dựng thư viện tiên tiến	Giai đoạn 2020-2022	CBQL, NV thư viện	- Hiệu trưởng, NV thư viện có giải pháp xây dựng thư viện nhà trường đáp ứng tiêu chuẩn vượt trội theo quy định tại Quyết định số 01/ 2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông phân đầu thư viện

			trường học tiên tiến vào năm 2022.
--	--	--	------------------------------------

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt		Đạt		Không đạt
b	Đạt				
c	Đạt				
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích đảm bảo tiêu chuẩn, khuôn viên sạch, đẹp, có nhiều cây xanh, thoáng mát và an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

Nhà trường có đủ phòng học, diện tích phòng học đảm bảo theo quy định.

Nhà trường có đủ các khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính - quản trị và các phòng khác đảm bảo theo quy định.

Hệ thống công trình vệ sinh của nhà trường đang xây dựng bảo đảm đầy đủ ở cả GV và HS theo thiết kế. Các khu vệ sinh hiện có và đang xây dựng bảo đảm đúng quy cách quy định, sạch sẽ, thoáng, đẹp, an toàn, phù hợp với cảnh quan trường học, tiện lợi, an toàn và không gây ô nhiễm môi trường. Nguồn nước uống và sinh hoạt cho GV, NV, HS đều được kiểm nghiệm chất lượng đảm bảo an toàn. Công tác vệ sinh của nhà trường luôn luôn sạch sẽ và không gây ô nhiễm môi trường.

Nhà trường có đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính đều được kết nối Internet qua hệ thống mạng dây và Wifi đảm bảo đường truyền ổn định đáp ứng tốt cho công tác quản lý, hoạt động dạy học. Thiết bị dạy học đảm bảo yêu cầu tối thiểu.

Hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, GV, NV và HS. Thư viện nhà trường hoạt động nghiêm túc theo lịch thư viện. Sách, báo trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của CBGV và HS.

Điểm yếu

Việc trang bị đồ chơi và thiết bị vận động của nhà trường còn thiếu so với quy định.

Bàn ghế HS còn 275 bộ chưa đúng quy định, thiết bị dạy học ở một số môn học vẫn chưa đầy đủ. Phòng bộ môn chưa được trang bị đầy đủ thiết bị như máy tính, đài, máy chiếu, bảng tương tác, đàn, giá vẽ....

Nhà trường chưa đủ phòng để tách riêng một số phòng đang dùng chung như: Âm nhạc và Mỹ thuật. Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị chưa được trang bị đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ các hoạt động nhà trường.

Trong quá trình thu gom rác, rác thải chưa được phân loại trước khi chuyển đi để xử lý.

Thiết bị dạy học còn thiếu chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học của GV và HS. Chất lượng đồ dùng từ cuộc thi đồ dùng tự làm chưa cao, công tác tự làm, tự sưu tầm đồ dùng dạy học của GV còn ít,

Thư viện nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến.

- Số lượng tiêu chí: 6 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí không đạt: 0
- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 6/6 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 6/6 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 0/5 tiêu chí

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm đảm bảo sự đồng thuận trong thực hiện các hoạt động giáo dục. Trong những năm qua trường Tiểu học Bột Xuyên luôn tích cực tham mưu và phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và Ban đại diện CMHS huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất, tăng thêm phương tiện thiết bị dạy học. Duy trì số lượng HS đồng thời huy động nguồn lực xây dựng cảnh quan môi trường và tặng thưởng cho HS vượt khó vươn trong học tập, rèn luyện; giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho HS và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Công tác xã hội hóa giáo dục luôn được lãnh đạo, các ban ngành đoàn thể, nhân dân và CMHS địa phương quan tâm nhằm góp phần thúc đẩy phong trào thi đua dạy tốt - học tốt trên địa bàn xã nói chung và Trường Tiểu học xã Bột Xuyên nói riêng. Việc phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã đem lại những thành công đáng kể trong hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện CMHS

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; huy động HS đến trường, vận động HS đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, vào đầu năm học, các lớp tổ chức hội nghị CMHS. Tại hội nghị này, CMHS cử ra ban đại diện của lớp gồm có 3 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban, 01 phó ban và 01 ủy viên. Sau đó nhà trường tổ chức hội nghị ban đại diện CMHS của các lớp, tại hội nghị này đã bầu ra ban đại diện CMHS của trường. Thành viên tham gia Ban đại diện cha mẹ HS của trường được bầu gồm 01 trưởng ban, 02 phó ban và các ủy viên thành viên [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ HS hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Ban Đại diện CMHS theo Thông tư 55/TT-BGD&ĐT và trên nguyên tắc đồng thuận, có nhiệm vụ phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục HS và tham gia các hoạt động hỗ trợ giáo dục.

Hằng năm Ban đại diện CMHS nhà trường, các lớp căn cứ nhiệm vụ năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học và phổ biến rộng rãi đến tất cả CMHS trong trường [H4-4.1-02].

Hằng năm, ban đại diện cha mẹ HS đã tổ chức thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Hằng tháng, trưởng ban đại diện cha mẹ HS cùng hiệu trưởng bàn về các giải pháp tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo dục truyền thống, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao. Tổ chức họp phụ huynh, tổng kết hoạt động của ban đại diện cha mẹ HS đúng định kì theo kế hoạch trong năm học, ban hành ra quy chế hoạt động của Ban đại diện CMHS [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Ban đại diện CMHS còn phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; đảm bảo huy động HS đến trường đầy đủ nên không có tình trạng HS bỏ học giữa chừng. Ban đại diện CMHS đề xuất ý kiến, tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, bàn các biện pháp giáo dục HS, giải quyết các kiến nghị của CMHS đồng thời nhà trường góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện CMHS. Hằng năm, các hoạt động phối kết hợp của nhà trường với phụ huynh được đánh giá cụ thể những việc đã hoàn thành tốt và những

việc còn tồn tại, để đề ra phương hướng cho năm học mới đạt kết quả tốt. Một số ít phụ huynh HS chưa thực sự quan tâm đến con em, giao khoán trách nhiệm cho GV và nhà trường [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Mức 3:

Mỗi năm học, nhà trường tổ chức 3 kỳ họp định kỳ với CMHS và họp đột xuất nếu cần thiết để thực hiện công khai các văn bản quản lý giáo dục liên quan đến HS, CMHS, công khai kết quả đánh giá xếp loại HS đồng thời bàn bạc, trao đổi, thống nhất biện pháp phối kết hợp giáo dục HS và tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục HS, giải quyết các kiến nghị của CMHS, đồng thời đóng góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện CMHS [H4-4.1-04]. [H4-4.1-04]; [H4-4.1-06].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ HS được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ HS. Ban đại diện cha mẹ HS thực sự là cầu nối giữa nhà trường với cha mẹ HS trong việc thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường. Ban đại diện cha mẹ HS trường hoạt động tích cực, nhiệt tình và luôn đồng hành với nhà trường trong các hoạt động xã hội hóa giáo dục; giúp đỡ, hỗ trợ cho HS có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu

Một số ít phụ huynh HS chưa thực sự quan tâm đến con em, giao khoán trách nhiệm cho GV và nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Phát huy hoạt động của Ban đại diện cha mẹ HS	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. GV, NV 3. Ban đại diện CMHS	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường phối hợp với Ban đại diện CMHS tổ chức thành lập và tổ chức hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ. - GV kết hợp với Ban đại diện của lớp để tổ chức thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả. - Ban đại diện CMHS trường, lớp thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của Điều lệ Ban đại diện CMHS.
2. Tăng cường sự phối hợp giữa phụ huynh với nhà trường, với GV	Từ năm học	1. CBQL 2. GV	- Nhà trường thường xuyên quan tâm theo dõi tới việc tổ chức thực hiện kế hoạch của

	2021-2022 và các năm tiếp theo	3. Ban đại diện CMHS	<p>Ban đại diện CMHS lớp, trường.</p> <p>- GV mỗi lớp cần định hướng cho phụ huynh lựa chọn thành viên Ban đại diện CMHS lớp là những người nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc phối hợp với GV chủ nhiệm lớp.</p> <p>- Ban đại diện CMHS lớp cùng GV chủ nhiệm thường xuyên trao đổi về tình hình của lớp để kịp thời điều chỉnh và bổ sung kế hoạch cho phù hợp, hiệu quả.</p>
--	--------------------------------	----------------------	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt				
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho HS; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đầu mỗi năm học, nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường như: Kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch tuyển sinh, xây dựng cơ sở vật chất, công tác phổ cập, các nguồn thu chi ngoài ngân sách, công tác Đảng, đoàn thể, Đặc biệt là các giải pháp về công tác huy động và duy trì sĩ số HS, công tác huy động và hỗ trợ nguồn tài chính cho xây dựng cơ sở vật chất nhà trường. Bên cạnh đó còn tham mưu với Ủy ban nhân dân xã nhu cầu, lộ trình, những giải pháp để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học. Năm năm qua, Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường đã được Đảng ủy, chính quyền xã Bội Xuyên đưa vào nghị quyết chương trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương [H4-4.2-01].

Nhà trường đã tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường như: Tuyên truyền giáo dục HS về đạo đức, truyền thống cách mạng, tuyên truyền phòng tránh tai nạn thương tích, các tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các cuộc họp, qua các phương tiện truyền thông) [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03].

Nhà trường luôn tranh thủ sự hỗ trợ của Ban đại diện cha mẹ HS, các dự án để có nguồn kinh phí xây dựng cơ sở vật chất. Nhà trường luôn huy động các tổ chức, cá nhân ủng hộ kinh phí để khen thưởng HS học xuất sắc, hỗ trợ HS nghèo, tuy vậy, sự đầu tư cho con em học tập và hỗ trợ cho nhà trường còn hạn chế do điều kiện kinh tế của nhân dân còn khó khăn [H4-4.1-06]; [H4-4.2-05].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường trường có văn bản tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể xã Bội Xuyên về phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường bao gồm các nội dung như: dự báo số học sinh trong 05 năm liên tiếp, kế hoạch xin đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, kế hoạch xin cải tạo trường, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch phổ cập giáo dục đúng độ tuổi. Đồng thời nhà trường cũng báo cáo, đề xuất những khó khăn của nhà trường để

Đảng ủy - HĐND - UBND xã hỗ trợ phương án giải quyết [H4-4.2-01]; [H1-1.8-02].

Nhà trường phối kết hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho HS; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương. Hàng năm, vào dịp 27/7 ngày thương binh liệt sĩ, Chi đoàn nhà trường phối hợp với Đoàn xã tổ chức cho HS khối 4,5 dọn vệ sinh, làm cỏ nghĩa trang liệt sĩ, các em đội viên lớp 5 cùng các anh chị đoàn viên, các bác cán bộ xã, các thầy cô giáo và nhân dân trong xã thấp nền tri ân, thắp hương trên mộ các anh; tổ chức sinh hoạt hè cho các em, dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm nhân dịp Tết Nguyên Đán. Nhà trường phối kết hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho HS; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương. Hàng năm, vào dịp 27/7 ngày thương binh liệt sĩ, Chi đoàn nhà trường phối hợp với Đoàn xã tổ chức cho HS khối 4,5 dọn vệ sinh, làm cỏ nghĩa trang liệt sĩ, các em đội viên lớp 5 cùng các anh chị đoàn viên, các bác cán bộ xã, các thầy cô giáo và nhân dân trong xã thấp nền tri ân, thắp hương trên mộ các anh; tổ chức sinh hoạt hè cho các em, dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm nhân dịp Tết Nguyên Đán. [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04]; [H5-5.3-03].

Mức 3:

Nhà trường đã tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể, tổ chức, cá nhân trong nhà trường đã xây dựng mỗi gia đình CBGVNV là gia đình văn hóa, phấn đấu trong mọi lĩnh vực, mọi nhiệm vụ để đạt được danh hiệu nhà trường văn hóa. Với sự cố gắng không ngừng Trường Tiểu học Bột Xuyên đã được UBND huyện công nhận là cơ quan văn hóa năm 2016 và đến năm 2020 được công nhận lại danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa” [H4-4.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động tham mưu với Đảng ủy, UBND xã xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS. Phối hợp với Ban đại diện CMHS, với chính quyền địa phương huy động sự tham gia cộng đồng để giáo dục lịch sử văn hóa và chăm sóc gia đình có công với cách mạng của địa phương, công nhận danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”.

3. Điểm yếu

Nguồn lực huy động trong phụ huynh còn rất thấp do kinh tế của đại đa số phụ huynh còn nghèo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Nhà trường phát huy công tác tham mưu với Đảng ủy, UBND xã	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. Hiệu trưởng	Hiệu trưởng thường xuyên rà soát kế hoạch giáo dục, CSVC, chất lượng giáo dục để đưa ra các giải pháp có tính khả thi để tham mưu với Đảng ủy, UBND xã trong việc thực hiện kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia mức độ 1.
2. Nhà trường tăng cường huy động các nguồn lực vật chất cho nhà trường.	Tháng 9 hàng năm	1. CBQL 2. GV, NV 3. CMHS	Nhà trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục để huy động các nguồn lực tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học; đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về mục tiêu, nội dung và kế hoạch GD của nhà trường.sinh.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt		
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ HS được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ HS. Ban đại diện cha mẹ HS thực sự là cầu

nối giữa nhà trường với cha mẹ HS trong việc thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường. Ban đại diện cha mẹ HS trường hoạt động tích cực, nhiệt tình và luôn đồng hành với nhà trường trong các hoạt động xã hội hóa giáo dục; giúp đỡ, hỗ trợ cho HS có hoàn cảnh khó khăn.

Nhà trường chủ động tham mưu với Đảng ủy, UBND xã xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS. Phối hợp với Ban đại diện CMHS, với chính quyền địa phương huy động sự tham gia cộng đồng để giáo dục lịch sử văn hóa và chăm sóc gia đình có công với cách mạng của địa phương, công nhận danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”.

Điểm yếu

Một số ít phụ huynh HS chưa thực sự quan tâm đến con em, giao khoán trách nhiệm cho GV và nhà trường.

Nguồn lực huy động trong phụ huynh còn rất thấp do kinh tế của đại đa số phụ huynh còn nghèo

- Số lượng tiêu chí: 2 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí không đạt: 0
- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 2/2 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 2/2 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 1/2 tiêu chí

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Nhà trường có truyền thống giữ vững kỷ cương, nề nếp trong hoạt động dạy và học. Kế hoạch giáo dục của nhà trường luôn đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học. Chất lượng giáo dục toàn diện luôn luôn ổn định so với mặt bằng chung của huyện. Hồ sơ, sổ sách quản lý chất lượng tốt, được lưu trữ đầy đủ, khoa học, đảm bảo an toàn. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được nhà trường quan tâm, có kế hoạch, theo dõi, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả. HS được học trong một môi trường thân thiện, xanh, sạch, đẹp, an toàn. Kết quả học tập, rèn luyện, nâng cao kỹ năng sống cho học sinh của nhà trường luôn ổn định, hiệu quả chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

b) *Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*

c) *Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để GV, HS, CMHS, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, vào đầu năm học, nhà trường căn cứ vào các văn bản hướng dẫn về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học của Bộ GD&ĐT, căn cứ vào công văn của Sở GD&ĐT Hà Nội, căn cứ vào nhiệm vụ trọng tâm của phòng GD&ĐT huyện Mỹ Đức để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường. Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020 kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng đảm bảo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 (Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành). Năm học 2020-2021 lớp 1 kế hoạch được xây dựng theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học ban hành theo Thông tư số 32/2018/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 (chương trình giáo dục phổ thông 2018), lớp 2,3,4,5 kế hoạch tiếp tục được xây dựng đảm bảo Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006. Kế hoạch giáo dục nhà trường luôn đảm bảo các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục [H5-5.1-01]; [H1-1.8-01]. Tuy nhiên, việc xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho HS còn chưa thật phù hợp với điều kiện nhà trường và tình hình kinh tế của địa phương.

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện cho HS, giúp cho HS hình thành và phát triển những yếu tố căn bản cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; kế hoạch giáo dục của nhà trường chú trọng tới việc giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho HS phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của HS Tiểu học, tạo điều kiện cho các em phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-02].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được Hiệu trưởng thông qua bản dự thảo lấy ý kiến, quyết nghị của hội đồng trường và báo cáo giải trình thông qua hội nghị CBGVNV đầu năm học có sự tham gia, xác nhận của lãnh đạo địa phương và được Phòng GD&ĐT huyện Mỹ Đức phê duyệt [H1-1.8-01]; [H5-5.1-02].

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo, quy định về chuyên môn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Hà Nội, của Phòng GD&ĐT huyện Mỹ Đức để từ đó xây dựng kế hoạch và triển khai kịp thời, đúng hướng dẫn, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-05].

Sau khi kế hoạch được Phòng GD&ĐT huyện Mỹ Đức phê duyệt, nhà trường phổ biến tới hội Đồng sư phạm, trong các cuộc họp Ban đại diện CMHS của trường, của lớp. Kế hoạch đồng thời được công khai bằng nhiều hình thức như: Niêm yết trên bảng tin của trường, trên địa chỉ Email dùng chung, trên Zalo nhóm công việc và nhóm lớp để GV, HS, CMHS, cộng đồng biết để kịp thời phối hợp, giám sát giúp nhà trường thực hiện tốt kế hoạch đề ra [H5-5.1-02]; [H5-5.1-05]; [H4-4.1-03].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục. Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, đảm bảo tính cập nhật, được phổ biến, công khai trước GV, HS và phụ huynh.

3. Điểm yếu

Việc xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho HS còn chưa thật phù hợp với điều kiện nhà trường và tình hình kinh tế của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Tiếp tục duy trì, phát huy việc xây dựng kế hoạch giáo dục đúng quy định, đảm bảo tính cập nhật và công khai của nhà trường.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. Tổ chuyên môn 3. GV	<ul style="list-style-type: none"> - CBQL thường xuyên cập nhật văn bản, nghiên cứu xây dựng kế hoạch giáo dục đúng quy định, sát thực tế, cụ thể, rõ ràng. Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của GV và các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường. - Tổ chuyên môn căn cứ kế hoạch nhà trường để xây dựng kế hoạch chuyên môn của tổ. - GV xây dựng kế hoạch và đăng ký chỉ tiêu phân đầu.
2. Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho HS phù hợp với điều kiện nhà	Từ năm học 2021-2022	1. CBQL 2. Tổ chuyên môn	- CBQL, GV bám sát thực tế để xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm có tính khả thi

trường và tình hình kinh tế của địa phương.	và các năm tiếp theo	3. GV	- Phối kết hợp với tổ chức Công đoàn, Chi đoàn, Đội, CMHS; huy động nguồn nhân lực, vật lực trong và ngoài nhà trường
---	----------------------	-------	---

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá HS Tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS;

b) Phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày và thực hiện dạy đúng, đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo chương trình mà Bộ giáo dục ban hành. Các năm học từ 2016-2017 đến 2019-2020 nhà trường tổ chức dạy theo Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành được ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006. Năm học 2020-2021: Lớp 1 tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục bắt buộc theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành theo TT32/2018-BGD&ĐT gồm môn Tiếng Việt, Toán, Tiếng Anh, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Nghệ thuật (Âm nhạc), Nghệ thuật (Mỹ thuật), Giáo dục thể chất và Hoạt động trải nghiệm; lớp 2,3,4,5 tổ chức dạy theo Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành được ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006. Nhà trường tổ chức dạy các môn học và các hoạt động giáo dục bắt buộc đối với lớp 4, 5 gồm: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật, Kỹ thuật, thể dục; đối với lớp 2, 3 gồm: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thủ công, thể dục. Trường tổ chức dạy môn tự chọn Tiếng Anh 2 tiết/ tuần cho lớp 1, 4 tiết/ tuần cho lớp 3,4,5. Lớp 2 được học tiếng Anh 2 tiết/ tuần theo đề án hợp tác giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học Victoria. Bên cạnh môn học và các hoạt động giáo dục bắt buộc, nhà trường còn đưa nội dung các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp vào chương trình giảng dạy nhằm đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện cho HS [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

Để tổ chức tốt việc dạy và học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng HS và điều kiện của nhà trường mỗi GV đã vận dụng sáng tạo các phương pháp, kỹ thuật dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS như phương pháp “bàn tay nặn bột”, “dạy Mỹ thuật theo phương pháp Đan Mạch”. Trong các tiết học, GV đã linh hoạt sử dụng các hình thức như dạy học theo nhóm, dạy cá thể hóa kết hợp đánh giá và tự đánh giá đã phát huy được khả năng sáng tạo, tính chủ động, tích cực và tự giác học tập của HS [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04]. Hàng năm, các tổ khối chuyên môn đã tổ chức nhiều chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động của HS, giúp các em tăng cường khả năng tư duy và làm việc độc lập, làm việc hợp tác, tạo cho các em có thêm nhiều hứng thú và say mê trong học tập [H5-5.2-07]. Tuy nhiên, do điều kiện thiết bị dạy học lớp 3,4,5 còn thiếu nên việc sử dụng đồ dùng dạy học trong các tiết học của một số GV chưa thường xuyên [H5-5.2-03]; [H5-5.2-05].

Việc đánh giá HS được nhà trường thực hiện đúng quy định về đánh giá HS Tiểu học. Cụ thể: từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020 việc đánh giá HS được thực hiện theo thông tư số 30/2014/TT - BGD&ĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 và thông tư số 22/2016/TT-BGD&ĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016; năm học 2020-2021 nhà trường đánh giá HS lớp 1 theo thông tư số 27/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020; lớp 2,3,4,5 đánh giá theo thông tư số 30/2014/TT-BGD&ĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 và thông tư số 22/2016/TT-BGD&ĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016. [H2-2.4-01]; [H1-1.5-01].

Mức 2:

Nhà trường luôn thực hiện đúng chương trình GD của Bộ GDĐT và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.8-02]; [H1-1.8-04]. Căn cứ vào chương trình, kế hoạch nhiệm vụ năm học của nhà trường các tổ chuyên môn lên kế hoạch chung cho cả tổ. Kế hoạch dạy học của mỗi GV được xây dựng dựa trên kế hoạch của tổ khối và được duyệt trước khi lên lớp 2 ngày [H5-5.2-03]. Tùy vào từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS, GV đã lựa chọn hình thức, thời lượng và phương pháp dạy học phù hợp nhằm giúp HS đạt được chuẩn kiến thức kỹ năng cho từng tiết học. GV đã sử dụng linh hoạt phương pháp trong các tiết học buổi 2 như dạy học phân hóa đối tượng giúp cho các em chưa đạt chuẩn kiến thức và những em nhận thức chậm có khả năng tiếp thu kiến thức và dần đạt chuẩn, còn những HS năng khiếu, những em nhận thức nhanh có điều kiện để được bổ sung những kiến thức nâng cao. Việc dạy học phân hóa còn giúp các em tự tin hơn, khả năng giao tiếp và hợp tác tốt hơn. [H5-5.1-03]; [H5-5.2-05]; [H5-5.2-06].

Việc phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện được nhà trường đặc biệt quan tâm. Thông qua các tiết học, qua các kỳ kiểm tra GV, nhà trường đã kịp thời phát hiện ra các em HS có năng khiếu, HS chưa hoàn thành và những HS còn gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để từ đó kịp thời xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng, phụ đạo thêm cho các em [H5-5.2-07]. Trong các tiết hướng dẫn học, GV đã tổ chức củng cố, bổ sung những kiến thức cho các em nhận thức chậm, giao thêm các bài tập vừa sức và nâng cao cho các em HS năng khiếu dưới các hình thức đa dạng, hấp dẫn, kích thích khả năng tự học, tự rèn luyện cho các em. Chính vì vậy chất lượng HS đại trà ngày càng được nâng lên, kết quả thi giao lưu môn Toán và Tiếng Việt cấp huyện luôn đứng ở tốp đầu của 29 trường trong huyện [H1-1.2-11]; [H5-5.5-01]. Những HS có năng khiếu Thể dục thể thao, Âm nhạc, Mĩ thuật đã được GV bộ môn phát hiện, bồi dưỡng kịp thời nên đã có nhiều em đạt giải thành phố trong các cuộc thi vẽ do thành phố tổ chức [H2-2.4-02].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường tổ chức triển khai rà soát việc thực hiện các nội dung được xây dựng trong kế hoạch, đánh giá hiệu quả, phân tích kỹ nguyên nhân của những tồn tại để tìm ra giải pháp phù hợp, đánh giá tác động của các biện pháp, các giải trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục như: đánh giá việc thực hiện chương trình và đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá việc phát hiện và vận dụng các giải pháp trong việc nâng cao chất lượng qua các buổi chuyên đề phổ biến SKKN, đánh giá việc sử dụng đồ dùng dạy học để từ đó kịp thời điều chỉnh, bổ sung và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.8-02]; [H5-5.2-04]; [H5-5.2-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn thực hiện đúng chương trình của Bộ giáo dục và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Việc đánh giá HS được nhà trường thực hiện đúng quy định về đánh giá HS Tiểu học. Trường đã tổ chức dạy Tiếng Anh cho tất cả các

khối lớp. Chất lượng đại trà được nâng lên, kết quả thi giao lưu môn Toán và Tiếng Việt cấp huyện có nhiều giải cao, nhiều em đạt giải thành phố trong các cuộc thi vẽ do thành phố tổ chức.

3. Điểm yếu

Thiết bị dạy học lớp 3,4,5 còn thiếu nên việc sử dụng đồ dùng dạy học trong các tiết học của một số GV chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Nhà trường phát huy việc dạy đúng, đủ chương trình và đánh giá HS theo quy định. Nâng cao chất lượng đại trà và kết quả các cuộc thi dành cho HS năng khiếu.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. Tổ chuyên môn 3. GV	<ul style="list-style-type: none"> - CBQL nghiên cứu các văn bản chỉ đạo các cấp, các thông tư hướng dẫn về việc thực hiện chương trình đảm bảo dạy đúng đủ không cắt xén chương trình. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS năng khiếu và phụ đạo HS còn hạn chế. - Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch, tổ chức chuyên đề sát với kế hoạch nhà trường - GV xây dựng kế hoạch dạy học phân hóa đối tượng, bảo đảm phát triển năng lực và phẩm chất HS.
2. Khắc phục tình trạng thiếu đồ dùng dạy học ở lớp 3,4,5.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. Tổ chuyên môn 3. GV, NV thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> - CBQL, NV thiết bị có kế hoạch sửa chữa và tổ chức mua bổ sung thiết bị và đồ dùng dạy học; thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc chuẩn bị đồ dùng dạy học của GV. - Tổ khối trưởng chuyên môn khi duyệt hồ sơ kế hoạch dạy học cần nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời việc chuẩn bị đồ dùng dạy học của GV. - NV thiết bị theo dõi nghiêm túc việc mượn, trả, sử dụng và

		tự làm đồ dùng dạy học của GV.
--	--	--------------------------------

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt		
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo kế hoạch;
- b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;
- c) Đảm bảo cho tất cả HS được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho HS tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của HS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hoạt động ngoài giờ lên lớp là một hoạt động gắn liền với hoạt động dạy và học, nhằm góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục toàn diện của nhà trường. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp còn góp phần củng cố, nâng cao kiến thức, kỹ năng giáo dục nhân cách cho HS. Để đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện cho HS, hằng năm, nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo từng chủ đề, từng tháng, từng tuần mà kế hoạch đã đề ra [H5-5.3-01]; [H1-1.8-02].

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi HS và điều kiện nhà trường

nhu: trong các giờ ra chơi, các em được múa hát tập thể, được tập các bài thể dục nhịp điệu, được cô TPT Đội hướng dẫn chơi các trò chơi vui nhộn; vào những ngày kỷ niệm như ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 các em được tham gia thi văn nghệ, thi báo tường, được dự lễ tri ân đối với thầy cô, trong đợt 26/3 các em được thi các hoạt động TDTT, vào dịp 22/12; 3/2 các em được nghe kể chuyện lịch sử; liên đội đã tổ chức đêm hội trăng rằm vào dịp Tết trung thu, một số chủ điểm về Đội TNTP Hồ Chí Minh như: “Tiếp bước truyền thống, xây dựng tương lai”, “Mừng sinh nhật Bác - Tự hào truyền thống Đội” ... được tổ chức lồng ghép trong dịp sinh nhật Bác 19/5, trong dịp kỷ niệm ngày thành lập Đội 15/5. Các hoạt động đều được HS tham gia nhiệt tình, hào hứng và sôi nổi. Tuy nhiên việc tổ chức cho HS tham gia các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường còn hạn chế [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Các hoạt động giáo dục được nhà trường được phát động và tổ chức cho 100% HS được tham gia đảm bảo theo Điều 35 Điều lệ trường Tiểu học ban hành theo thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020. Các hoạt động đều có kế hoạch cụ thể, phân công nhiệm vụ cho từng GV phụ trách, có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường, của Ban đại diện CMHS. CBGVNV, phụ huynh và HS đã tham gia với tinh thần tự giác, tích cực và ý thức trách nhiệm cao [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Các hoạt động được nhà trường tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho HS tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo. Điều đó được thể hiện qua một số hoạt động như: nhân ngày 20/11, để bày tỏ lòng biết ơn và tri ân tới các thầy cô giáo liên đội đã tổ chức cuộc thi báo tường viết về thầy cô ngày 20/11 với yêu cầu mỗi HS có một bài viết hoặc vẽ nói lên tình cảm lòng biết ơn của mình đối với thầy cô sau đó đóng quyển theo lớp hoặc làm báo liếp; nhân dịp kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/7 liên đội tổ chức cho các em thăm hỏi các gia đình thương binh liệt sỹ, tổ chức lau dọn vệ sinh khu nghĩa trang liệt sỹ của xã; Liên đội nhận chăm sóc “Chùa Bọt Xuyên” di tích lịch sử của địa phương; nhà trường tổ chức cho các em tham gia trải nghiệm tại nông trại “Đê trắng Ba Vi”; trong các cuộc thi vẽ tranh vẽ về chiếc máy bay mơ ước 100% HS được tham gia [H5-5.3-02]; [H5-5.3-04]. Các hoạt động ngoài giờ được các em tham gia tích cực, sôi nổi, hào hứng, chủ động và sáng tạo đã giúp các em thoải mái sau các giờ học căng thẳng góp phần giáo dục, rèn các kỹ năng sống, giúp các em tiếp thu bài tốt hơn. Các hoạt động này đã giúp HS nhanh nhẹn hơn, tự tin hơn, đoàn kết với nhau hơn [H1-1.8-02]; [H5-5.3-04].

Mức 3:

Để giúp các em có cơ hội phát huy năng lực sở trường của mình, trong kế hoạch, nhà trường đã xây dựng với nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của HS, cho phép các em đăng ký tham gia các câu lạc bộ, tham gia những hoạt động mà các em yêu thích sao cho phù hợp với điều kiện, với sức khỏe, với lứa tuổi của các em như: câu lạc bộ “Cờ vua”

với đủ các lứa tuổi, câu lạc bộ “Viết chữ đẹp”, câu lạc bộ những HS yêu thích môn “Toán”, môn “Tiếng Anh”. Các câu lạc bộ có lịch và thời gian biểu thực hiện, có GV phụ trách và tổ chức đảm bảo an toàn cho HS. Nhờ vậy nhà trường đã có nhiều em đạt giải trong cuộc thi viết chữ đẹp, cuộc thi vẽ tranh, cuộc thi cờ vua do PGD&ĐT Mỹ Đức và các cấp tổ chức. Trong những năm vừa qua trường đã có 6 lượt HS đạt Giải A, Giải B cuộc thi vẽ tranh cấp thành phố, Giải Khuyến khích cờ vua thành phố [H5-5.3-05]; [H5-5.3-06]; [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường có chương trình, kế hoạch và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, của nhà trường. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được tổ chức với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi HS. Nhiều HS đạt giải trong cuộc thi vẽ tranh do thành phố tổ chức.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức cho HS tham gia các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Tiếp tục tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi HS. Phần đầu có nhiều HS đạt giải trong cuộc thi do cấp trên tổ chức.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. TPT Đội 3. GV	<ul style="list-style-type: none"> - CBQL lấy ý kiến của GV, TPT Đội, CMHS để xây dựng kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương. - TPT Đội tập huấn cho GV có khả năng tham gia và tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ. - Tiếp tục duy trì, mở rộng đối tượng tham gia hoạt động của các câu lạc bộ. - Có chế độ bồi dưỡng cho người phụ trách các câu lạc bộ, xây dựng quy chế thi đua khen thưởng phù hợp, có tác dụng kích thích sự tham gia nhiệt tình của GV và HS.

2. Có kế hoạch và tổ chức cho HS tham gia các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. TPT Đội 3. GV,	<p>- CBQL lấy ý kiến của GV, TPT Đội, CMHS để xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương.</p> <p>- Huy động sự ủng hộ, tài trợ của các doanh nghiệp trên địa bàn, các nhà hảo tâm, các cựu HS thành đạt và CMHS.</p> <p>-TPT Đội kết hợp chi đoàn, với GV các môn chuyên biệt để tổ chức tốt hơn nữa các hoạt động trải nghiệm.</p>
---	---	---------------------------------	---

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục Tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục Tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất

98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ và kế hoạch phân công của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục xã, cụ thể: Vào tháng 8 hằng năm, trường lập kế hoạch phân công đội ngũ tiến hành điều tra độ tuổi trên địa bàn xã; tiến hành hoàn thành phiếu điều tra và kịp thời nhập dữ liệu vào phần mềm; hoàn thành hồ sơ; tham mưu UBND xã thành lập tổ tự kiểm tra để phát hiện sai sót kịp thời bổ sung, hoàn tất hồ sơ trình các cấp kiểm tra công nhận. Năm 2020 nhà trường được công nhận đạt chuẩn Phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2 [H5-5.4-01]; [H5-5.4-06].

Nhờ công tác điều tra chính xác, công tác tuyên truyền vận động tích cực và tạo điều kiện tốt nhất cho công tác tuyên sinh mà hàng năm tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đều đạt 98,8% trở lên [H5-5.4-02]; [H5-5.4-04]; [H1-1.8-02].

Nhà trường có đầy đủ hệ thống văn bản chỉ đạo về phổ cập giáo dục Tiểu học, có đủ tập phiếu điều tra, sổ phổ cập, sổ theo dõi chuyên đi chuyên đến, danh sách HS hoàn thành chương trình Tiểu học, đầy đủ hệ thống minh chứng và phần mềm phổ cập giáo dục. Hồ sơ phổ cập giáo dục, được bảo quản cẩn thận và cập nhật số liệu chính xác, thường xuyên theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ [H5-5.4-05].

Mức 2:

Nhà trường đã tổ chức và thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, phối hợp với ban văn hóa xã và các thôn trong địa bàn tuyên truyền sâu, rộng bằng hệ thống loa truyền thanh, loa phát thanh của nhà trường để toàn dân hưởng ứng “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”. Nhà trường đã huy động và có biện pháp hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đến trường như: tặng sách vở, đồ dùng học tập và hỗ trợ các mặt khác, vì vậy đã huy động được từ 98,8% trẻ trong độ tuổi đi học. Tuy nhiên do kinh phí hạn hẹp nên việc hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập và sinh hoạt của HS [H5-5.4-02]; [H5-5.4-04]; [H1-1.8-02].

Mức 3:

Hằng năm, trong địa bàn tuyên sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đều đạt từ 98,8% trở lên [H5-5.4-02]; [H5-5.4-04]; [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã huy động được từ 98,8% trở lên trẻ 6 tuổi vào lớp 1, có đầy đủ hệ thống văn bản chỉ đạo về phổ cập, hồ sơ phổ cập giáo dục được bảo quản cẩn thận và cập nhật số liệu chính xác, thường xuyên. Đạt chuẩn Phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2.

3. Điểm yếu

Việc hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập và sinh hoạt của HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Tiếp tục duy trì và phát huy: Có đầy đủ hệ thống văn bản chỉ đạo về phổ cập, hồ sơ phổ cập giáo dục được bảo quản cẩn thận và cập nhật số liệu chính xác, thường xuyên. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đều đạt 100%	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. Tập thể CBGVNV 3. Ban đại diện CMHS	<ul style="list-style-type: none"> - CBQL tham mưu UBND xã xây dựng kế hoạch phù hợp, tập huấn công tác phổ cập, điều tra chính xác, vận động HS đến trường, phối hợp với các ban ngành đoàn thể và phụ huynh HS làm tốt công tác PCGD. - GV, NV thực hiện nhiệm vụ được phân công. - Ban đại diện CMHS làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và ủng hộ những HS có hoàn cảnh khó khăn. - Phối hợp với Trường THCS điều tra, rà soát số HS đang học ở trường.
2. Khắc phục công tác hỗ trợ cho HS có hoàn cảnh khó khăn.	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. Kế toán 3. Tập thể CBGV-NV 4. Mời các ban ngành đoàn thể xã	<ul style="list-style-type: none"> - CBQL, GV, NV rà soát đối tượng HS có hoàn cảnh khó khăn đồng thời xây dựng kế hoạch hỗ trợ. - Phối hợp với Đoàn TNCS, Đội TNTP, Ban đại diện CMHS tuyên truyền vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp kết hợp với nguồn ngân sách của nhà trường để hỗ trợ cho HS có hoàn cảnh khó khăn đến trường và vươn lên trong học tập. - Kịp thời chuyển hỗ trợ của cấp trên tới HS.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3
-------	-------	-------

Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ HS 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp Tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp Tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mỗi năm học nhà trường đều có số liệu thống kê về kết quả học tập của từng lớp và của toàn trường theo quy định của Bộ GD&ĐT. Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học từ 2016-2017 đến 2020-2021 đều đạt từ 99,3% trở lên [H5-5.4-03]; [H1-1.8-02].

Trong các năm học từ 2016-2017 đến 2020-2021, tỷ lệ HS 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt từ 99,13% trở lên [H5-5.4-03]; [H1-1.8-02].

Trong các năm học từ 2016-2017 đến 2020-2021, tỷ lệ HS 14 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đều đạt 100% [H5-5.4-03]; [H5-5.4-05]

Mức 2:

Trong các năm học từ 2016-2017 đến 2020-2021, tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học hàng năm đều đạt từ 99,3% trở lên [H5-5.4-03]; [H5-5.5-01]; [H1-1.8-02].

Trong các năm học từ 2016-2017 đến 2020-2021, tỷ lệ HS 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt từ 99,13 % trở lên [H5-5.4-03]; [H5-5.5-01]; [H1-1.8-02].

Mức 3:

Trong các năm học từ 2016-2017 đến 2020-2021, tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học hàng năm đều đạt từ 99,3% trở lên [H5-5.4-03]; [H5-5.5-01]; [H1-1.8-02].

Trong các năm học từ 2016-2017 đến 2020-2021, tỷ lệ HS 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt từ 99,13 % trở lên, các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp Tiểu học [H5-5.4-03]; [H5-5.5-01]; [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Trong các năm học từ 2016-2017 đến 2020-2021, tỷ lệ HS hoàn thành lớp học đều đạt từ 99,3% trở lên; tỷ lệ HS 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt từ 99,13 % trở lên.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn còn một số ít HS chưa hoàn thành chương trình lớp học và HS 11 tuổi chưa hoàn thành chương trình Tiểu học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
1. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. GV 3. CMHS	<ul style="list-style-type: none"> - CBQL xây dựng kế hoạch bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ, có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ, - GV thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, khả năng ứng dụng, sử dụng CNTT, đổi mới phương pháp, và kết hợp chặt chẽ với CMHS trong dạy học. - Ban đại diện CMHS tuyên truyền, tạo điều kiện, ủng hộ mọi hoạt động của nhà trường, quan tâm đến con em, tạo điều

			kiện học tập tốt nhất cho con em trong điều kiện học tập trực tuyến.
2. Phần đầu nâng cao tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học và chương trình Tiểu học đạt 100%	Từ năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo	1. CBQL 2. Tập thể CBGVNV 3. CMHS	<p>- CBQL xây dựng kế hoạch bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ, có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ,</p> <p>- GV thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, khả năng ứng dụng, sử dụng CNTT, đổi mới phương pháp, và kết hợp chặt chẽ với CMHS trong dạy học. Nhiệt tình và có kế hoạch phụ đạo cho HS nhận thức chậm.</p> <p>- Ban đại diện CMHS tuyên truyền, tạo điều kiện, ủng hộ mọi hoạt động của nhà trường, quan tâm đến con em, tạo điều kiện học tập tốt nhất cho con em trong điều kiện học tập trực tuyến.</p>

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục. Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, đảm bảo tính cập nhật, được phổ biến, công khai trước GV, HS và phụ huynh.

Nhà trường luôn thực hiện đúng chương trình của Bộ giáo dục và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Việc đánh giá HS được nhà trường thực hiện đúng quy định về đánh giá HS Tiểu học. Trường đã tổ chức dạy Tiếng Anh cho tất cả các khối lớp. Chất lượng đại trà được nâng lên, kết quả thi giao lưu môn Toán và Tiếng Việt cấp huyện có nhiều giải cao, nhiều em đạt giải thành phố trong các cuộc thi vẽ do thành phố tổ chức.

Hằng năm, nhà trường có chương trình, kế hoạch và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, của nhà trường. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được tổ chức với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi HS. Nhiều HS đạt giải trong cuộc thi vẽ tranh do thành phố tổ chức.

Nhà trường đã huy động được từ 98,8% trở lên trẻ 6 tuổi vào lớp 1, có đầy đủ hệ thống văn bản chỉ đạo về phổ cập, hồ sơ phổ cập giáo dục được bảo quản cẩn thận và cập nhật số liệu chính xác, thường xuyên. Đạt chuẩn Phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2.

Trong các năm học từ 2016-2017 đến 2020-2021, tỷ lệ HS hoàn thành lớp học đều đạt từ 99,3% trở lên; tỷ lệ HS 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt từ 99,13 % trở lên.

Điểm yếu

Việc xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho HS còn chưa thật phù hợp với điều kiện nhà trường và tình hình kinh tế của địa phương.

Thiết bị dạy học lớp 3,4,5 còn thiếu nên việc sử dụng đồ dùng dạy học trong các tiết học của một số GV chưa thường xuyên.

Việc tổ chức cho HS tham gia các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường còn hạn chế.

Việc hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập và sinh hoạt của HS.

Nhà trường vẫn còn một số ít HS chưa hoàn thành chương trình lớp học và HS 11 tuổi chưa hoàn thành chương trình Tiểu học.

- Số lượng tiêu chí: 5 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí không đạt: 0
- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 5/5 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 5/5 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 4/4 tiêu chí

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trong những năm qua Trường Tiểu học Bội Xuyên đã thực hiện nghiêm túc mục tiêu giáo dục của ngành và của địa phương đề ra. Tập thể CBGVNV và

HS nhà trường đã có nhiều nỗ lực, đạt thành tích cao trong giảng dạy, học tập và rèn luyện, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

Báo cáo TĐG là tổng hợp thành quả của cả quá trình lao động không ngừng của tập thể CBGVNV và HS cùng với sự ủng hộ của các ban, ngành, đoàn thể, CMHS trong những năm qua nhà trường đã đạt được nhiều thành tích đáng tự hào. Nhà trường luôn xác định việc bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBGVNV là một nhiệm vụ hết sức quan trọng vì vậy mà chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường ngày càng được nâng cao.

Với sự nỗ lực và quyết tâm của Hội đồng TĐG, nhà trường đã huy động lực các đoàn thể, tổ chức trong và ngoài nhà trường, đồng thời phối hợp với địa phương, Phòng GD&ĐT Mỹ Đức cùng với các thành viên Hội đồng TĐG đã tích cực làm việc theo kế hoạch kiểm định đã đề ra. Trong quá trình TĐG 5 tiêu chuẩn theo Thông tư số 17/2018//TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018, tập thể sư phạm nhà trường luôn tự hào bởi những thành quả đạt được là cả một quá trình phấn đấu của tập thể sư phạm nhà trường. Kết quả giáo dục chính là những tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan chất lượng giáo dục của nhà trường. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, nhà trường vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định: Trình độ GV đạt chuẩn và trên chuẩn còn thấp, một số GV tuổi đời cao, năng lực chuyên môn còn hạn chế dẫn đến việc thực hiện đổi mới và ứng dụng CNTT gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy, việc thực hiện công tác tự đánh giá là cơ sở để nhà trường nhìn lại những kết quả đã đạt được đồng thời rút ra được những bài học kinh nghiệm cần thiết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường trong thời gian tới.

Đối chiếu các kết quả về hoạt động giáo dục của trường với Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường Tiểu học được Bộ GD&ĐT ban hành, trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng và tỉ lệ các chỉ số đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3;
- Mức 1:
 - + Số lượng tiêu chí đạt: 27/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
 - + Số lượng tiêu chí không đạt: 0/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%
- Mức 2:
 - + Số lượng tiêu chí đạt: 27/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
 - + Số lượng tiêu chí không đạt: 0/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0 %
- Mức 3:
 - + Số lượng tiêu chí đạt: 9/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 47,3%;
 - + Số lượng tiêu chí không đạt: 10/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 52,7%
- Mức đánh giá của Trường Tiểu học Bột Xuyên: Mức 2

Căn cứ vào điều 31 của quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục ban hành theo thông tư số 17/2018//TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của

Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Trường Tiểu học Bớt Xuyên huyện Mỹ Đức đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Trường Tiểu học xã Bớt Xuyên huyện Mỹ Đức đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Bớt Xuyên, ngày 30 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương

Phần IV
DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.					
Tiêu chí 1.1 Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường					
1.	H1-1.1-01	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2016 - 2021.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
2.	H1-1.1-02	Biên bản niêm yết công khai chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
3.	H1-1.1-03	Nghị quyết Hội đồng trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
4.	H1-1.1-04	Quy chế dân chủ, Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế phối hợp công đoàn và nhà trường, Quy chế làm việc.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
5.	H1-1.1-05	Biên bản rà soát, bổ sung phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác					
6.	H1-1.2-01	Quyết định thành lập hội đồng trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phòng GD&ĐT Mỹ Đức	

7.	H1-1.2-02	Quyết định thành lập hội đồng thi đua khen thưởng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
8.	H1-1.2-03	Quyết định thành lập Hội đồng xét nâng lương.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
9.	H1-1.2-04	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh lớp 1.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phòng GD&ĐT Mỹ Đức	
10.	H1-1.2-05	Quyết định thành lập Hội đồng chấm SKKN.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
11.	H1- 1.2- 06	Quyết định thành lập Hội đồng xét HTCTTH.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
12.	H1- 1.2- 07	Quy chế; Kế hoạch hoạt động Hội đồng trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
13.	H1- 1.2- 08	Quy chế, Kế hoạch hoạt động của các Hội đồng tư vấn.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
14.	H1- 1.2- 09	Báo cáo tổng kết thực hiện nghị quyết Hội đồng trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
15.	H1- 1.2- 10	Báo cáo đánh giá hoạt động các Hội đồng tư vấn khác năm học.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
16.	H1- 1.2- 11	Kết quả học sinh tham gia các cuộc thi, giao lưu cấp huyện, thành phố.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
17.	H1- 1.2- 12	Báo cáo sơ kết hoạt động của các Hội đồng tư vấn.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	

18.	H1- 1.2- 13	Danh sách công nhận giải SKKN, danh sách CBVC có các chứng chỉ TA, tin học theo chuẩn chức danh nghề nghiệp.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phòng GD&ĐT Mỹ Đức, Trường Tiểu học Bột Xuyên	
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường					
19.	H1-1.3-01	Danh sách công đoàn viên.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Công Đoàn- Trường Tiểu học Bột Xuyên	
20.	H1-1.3-02	Danh sách đoàn viên chi đoàn.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Chi Đoàn - Trường Tiểu học Bột Xuyên	
21.	H1-1.3-03	Quyết định thành lập chi hội chữ thập đỏ nhà trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
22.	H1-1.3-04	Chương trình, kế hoạch hoạt động công đoàn.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Công Đoàn- Trường tiểu học Bột Xuyên	
23.	H1-1.3-05	Kế hoạch công tác Đoàn và phong trào thiếu nhi.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Chi đoàn- Trường Tiểu học Bột Xuyên	
24.	H1-1.3-06	Danh sách hiến máu nhân đạo.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
25.	H1-1.3-07	Báo cáo tổng kết các tổ chức đoàn thể nhà trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Các đoàn thể- Trường Tiểu học Bột Xuyên	

26.	H1-1.3-08	Nghị quyết, kế hoạch của chi bộ.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Chi bộ - Trường Tiểu học Bột Xuyên	
27.	H1-1.3-09	Giấy khen của BCH đảng bộ xã.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Đảng ủy xã Bột Xuyên	
28.	H1-1.3-10	Giấy khen của LĐLĐ huyện.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	LĐLĐ huyện Mỹ Đức	
29.	H1-1.3-11	Quyết định TPT Đội	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
	H1-1.3-12	Chuẩn y ban chi ủy, QĐ Bí thư, Phó Bí thư....	Nhiệm kỳ 2017 - 2020 và 2020 - 2023	Đảng bộ xã Bột Xuyên	
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng					
30.	H1-1.4-01	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	UBND huyện Mỹ Đức	
31.	H1-1.4-02	Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	UBND huyện Mỹ Đức	
32.	H1-1.4-03	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và văn phòng; Danh sách các tổ chuyên môn và văn phòng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
33.	H1-1.4-04	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó các năm học.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
34.	H1-1.4-05	Kế hoạch tổ văn phòng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Tổ văn phòng	

35.	H1-1.4-06	Biên bản sinh hoạt của tổ văn phòng	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Tổ văn phòng	
36.	H1- 1.4- 07	Danh sách học sinh đạt giải thi Olympic Tiếng Anh, TĐTT, viết chữ đẹp cấp huyện, thành phố.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phòng GD&ĐT Mỹ Đức	
37.	H1- 1.4- 08	Kết quả xếp thi đua 5 năm học.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phòng GD&ĐT Mỹ Đức	
38.	H1- 1.4- 09	Giấy khen của UBND huyện về công tác y tế học đường và BHYT	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	UBND huyện Mỹ Đức	
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học					
39.	H1-1.5-01	Phần mềm cơ sở dữ liệu csdl.moet.gov.vn	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
40.	H1-1.5-02	Biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng của các lớp (Hồ sơ công tác Đội)	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản					
41.	H1-1.6-01	Sổ quản lý hồ sơ văn thư lưu trữ nhà trường	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Văn thư	
42.	H1-1.6-02	Danh mục mã minh chứng	Năm 2020	Văn thư-	
43.	H1-1.6-03	Dự toán NSNN các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Kế toán	
44.	H1-1.6-04	Biên bản công khai tài chính theo TT36/BGD và TT 61/BTC mỗi năm học	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	

45.	H1-1.6-05	Quy chế chi tiêu nội bộ.	Từ năm 2015 - 2016 đến năm 2019 - 2020	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
46.	H1-1.6-06	Báo cáo tài chính cuối năm học.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Kế toán	
47.	H1-1.6-07	Phần mềm (sổ) quản lí tài sản, tài chính	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	UBND huyện	
48.	H1-1.6-08	Hợp đồng cung cấp phần mềm, các phần mềm của nhà trường, hợp đồng chữ ký số	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Kế toán	
49.	H1-1.6-09	Hình ảnh hiện trạng phòng làm việc nhân viên tổ văn phòng	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
50.	H1-1.6-10	Kết luận thẩm định ngân sách nhà nước của Phòng TCKH huyện, kết luận của Phòng GD&ĐT các đợt kiểm tra chuyên đề, Kết luận của Hội đồng nhân dân xã qua các chuyên đề giám sát	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	UBND huyện; PGD; HĐND xã	
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên					
51.	H1-1.7-01	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên Kế hoạch phát triển đội ngũ	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
52.	H1-1.7-02	Báo cáo thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, tư vấn tâm lý	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
53.	H1-1.7-03	Bảng phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
54.	H1-1.7-04	Bảng lương và phụ cấp hàng tháng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Kế toán	

55.	H1-1.7-05	Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác công đoàn	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Công đoàn- Trường Tiểu học Bột Xuyên	
56.	H1-1.7-06	Danh sách cán bộ, giáo viên được khen thưởng cấp huyện trở lên.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường TH Bột Trường Tiểu học Bột Xuyên Xuyên	
57.	H1-1.7-07	Kế hoạch đổi mới sáng tạo trong quản lý và dạy học	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục					
58.	H1-1.8-01	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch chuyên môn. Kế hoạch dạy 2 buổi / ngày.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
59.	H1-1.8-02	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
60.	H1-1.8-03	Kế hoạch KTNB	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
61.	H1-1.8-04	Biên bản kiểm tra của các cấp	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phòng GD&ĐT	
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở					
62.	H1-1.9-01	Biên bản, nghị quyết Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hàng năm.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
63.	H1-1.9-02	Quy chế dân chủ của nhà trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	

64.	H1-1.9-03	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
65.	H1-1.9-04	Sổ tiếp công dân.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
66.	H1-1.9-05	Báo cáo của ban thanh tra nhân dân.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường ban Thanh tra	
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học					
67.	H1-1.10-01	Kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự; Kế hoạch vệ sinh an toàn thực phẩm Kế hoạch an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích Kế hoạch an toàn phòng, chống cháy, nổ Kế hoạch an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh Kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
68.	H1-1.10-02	Hộp thư góp ý của nhà trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
69.	H1-1.10-03	Báo cáo sơ, tổng kết về công tác an toàn trường học.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
70.	H1-1.10-04	Biên bản họp triển khai các phương án về công tác an toàn trường học.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	

71.	H1-1.10-05	Văn bản phối hợp với cơ quan công an.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
72.	H1-1.10-06	Các kế hoạch tập huấn phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
73.	H1-1.10-07	Hồ sơ trường học an toàn	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh					
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng					
74.	H2-2.1-01	Hồ sơ Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
75.	H2-2.1-02	Sổ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
76.	H2-2.1-03	Kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, của hiệu trưởng và phó hiệu trưởng hàng năm.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	PGD, UBND huyện	
77.	H2-2.1-04	Bằng khen, giấy khen.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	UBND huyện & UBND TP	

78.	H2-2.1-05	Công văn triệu tập, quyết định cử đi học của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phòng GD&ĐT Mỹ Đức, Sở GD&ĐT Hà Nội	
79.	H2-2.1- 06	Công văn triệu tập tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, lý luận chính trị	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phòng GD&ĐT Mỹ Đức, Sở GD&ĐT Hà Nội	
80.	H2-2.1-07	Chứng chỉ, kết quả học tập các lớp bồi dưỡng, tập huấn.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phòng GD&ĐT Mỹ Đức, Sở GD&ĐT Hà Nội	
81.	H2-2.1-8	Hồ sơ dự nguồn cán bộ quản lý	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên					
82.	H2-2.2-01	Báo cáo thực trạng đội ngũ CB,GV hằng năm	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
83.	H2-2.2-02	Quyết định điều động làm Tổng phụ trách Đội.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
84.	H2-2.2-03	Báo cáo thống kê đội ngũ CB,VC hằng năm	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
85.	H2-2.2-04	Bằng tốt nghiệp ĐH của GV	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Các trường đào tạo	

86.	H2-2.2-05	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên 5 năm	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
87.	H2-2.2-06	Sổ khen thưởng, kỷ luật của nhà trường	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
88.	H2-2.2-07	Báo cáo nhân sự, phần mềm EPMIS	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
89.	H2-2.2-08	DS, Quyết định nhập học ĐH của giáo viên đang theo học ĐH và GV không trong độ tuổi phải đi học ĐH	Năm 2021	Các trường ĐH	
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên					
90.	H2-2.3-01	Quyết định điều động của các nhân viên	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
91.	H2-2.3-02	Bảng phân công vị trí việc làm	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
92.	H2-2.3-03	Danh sách nhân viên nhà trường có thông tin về trình độ đào tạo và nghiệp vụ. (Phần mềm CSDL)	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
93.	H2-2.3-04	Bảng tổng hợp đánh giá, xếp loại của cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
94.	H2-2.3-05	Văn bằng, chứng chỉ của nhân viên.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Các trường đào tạo	
95.	H2-2.3-06	Các công văn triệu tập tập huấn, bồi dưỡng của nhân viên.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phòng GD&ĐT Mỹ Đức, Sở GD & ĐT	

				Hà Nội	
96.	H2-2.3-07	Các chứng chỉ, chứng nhận của các lớp bồi dưỡng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phòng GD&ĐT Mỹ Đức, Sở GD&ĐT Hà Nội	
97.	H2-2.3-08	Hồ sơ quản lý nhân sự của nhân viên	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh					
98.	H2-2.4-01	Học bạ.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
99.	H2-2.4-02	Quyết định và danh sách khen thưởng học sinh.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học					
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập					
100.	H3-3.1-01	Hình ảnh liên quan đến cây xanh, sân trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
101.	H3-3.1-02	Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường.	Năm 2019-2020	Phòng QLĐT huyện	
102.	H3-3.1-03	Hình ảnh liên quan đến cổng trường, hàng rào...	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
103.	H3-3.1-04	Hình ảnh sân chơi, sân tập thể dục thể thao.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	

104.	H3-3.1-05	Báo cáo về CSVC, kỹ thuật.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
105.	H3-3.1-06	Danh mục đồ chơi và thiết bị vận động.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	NV Thiết bị	
106.	H3-3.1-07	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Năm 1997	UBND huyện Mỹ Đức	
Tiêu chí 3.2: Phòng học					
107.	H3-3.2-01	Sơ đồ phòng học.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
108.	H3-3.2-02	Hình ảnh phòng học, bàn ghế, bảng	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
109.	H3-3.2-03	Biên bản bàn giao CSVC cho lớp.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	NV Thiết bị	
110.	H3-3.2-04	Danh mục thiết bị của lớp.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	NV Thiết bị	
111.	H3-3.2-05	Biên bản kiểm tra thiết bị lớp.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
112.	H3-3.2-06	Biên bản kiểm tra CSVC có nội dung bàn ghế.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
113.	H3-3.2-07	Biên bản kiểm tra CSVC	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị					

114.	H3-3.3-01	Sổ quản lý tài sản	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
115.	H3-3.3-02	Sơ đồ nhà để xe, hình ảnh.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
116.	H3-3.3-03	Hình ảnh các phòng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
117.	H3-3.3-04	Sổ lưu trữ của nhà trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
118.	H3-3.3-05	Hình ảnh thực tế khối phòng phục vụ học tập, hành chính.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
119.	H3-3.3-06	Dự toán mua sắm thiết bị	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước					
120.	H3-3.4-01	Hình ảnh nhà vệ sinh và thiết bị nhà vệ sinh.	Năm học 2019 - 2020	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
121.	H3-3.4-02	Hình ảnh cống thoát nước.	Năm học 2019 - 2020	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
122.	H3-3.4-03	Hợp đồng nước uống, phiếu kiểm nghiệm nước uống và nước sinh hoạt.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Công ty Happy'Sly	
123.	H3-3.4-04	Hình ảnh thùng rác ở sân trường và trong các lớp học	Năm học 2019 - 2020	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
124.	H3-3.4-05	Hợp đồng công tác vệ sinh, Phiếu thanh toán tiền vệ sinh môi trường	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Công ty Happy'Sly	

125.	H3-3.4-06	Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về công tác vệ sinh trường học.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
126.	H3-3.4-07	Báo cáo tổng kết về công tác y tế và vệ sinh trường học.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
Tiêu chí 3.5: Thiết bị					
127.	H3-3.5-01	Danh mục thiết bị văn phòng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	NV Thiết bị	
128.	H3-3.5-02	Báo cáo thống kê CSVC.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Nhà trường	
129.	H3-3.5-03	Danh mục thiết bị dạy học.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	NV Thiết bị	
130.	H3-3.5-04	Báo cáo công tác thiết bị.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
131.	H3-3.5-05	Biên bản kiểm kê thiết bị	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
132.	H3-3.5-06	Hóa đơn thanh toán sửa chữa.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
133.	H3-3.5-07	Hợp đồng và hóa đơn thanh toán Internet.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
134.	H3-3.5-08	Hóa đơn mua bổ sung thiết bị.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
135.	H3-3.5-09	Hồ sơ thi đồ dùng tự làm.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	

136.	H3-3.5-10	Biên bản kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn với các thành viên trong tổ chuyên môn.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	CBQL, Tổ chuyên môn	
137.	H3-3.5-11	Sổ mượn trả đồ dùng dạy học.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	NV Thiết bị	
Tiêu chí 3.6: Thư viện					
138.	H3-3.6-01	Danh mục sách, báo, tạp chí, tranh ảnh...	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	NV Thư viện	
139.	H3-3.6-02	Biên bản kiểm tra thư viện.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	NV Thư viện	
140.	H3-3.6-03	Sổ theo dõi hoạt động của thư viện.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	NV Thư viện	
141.	H3-3.6-04	Lịch hoạt động thư viện.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	NV Thư viện	
142.	H3-3.6-05	Hóa đơn mua bổ sung sách báo, tạp chí, tranh ảnh....	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	NV Thư viện	
143.	H3-3.6-06	Danh mục sách quyên góp của học sinh và các nhà tài trợ .	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	NV Thư viện	
144.	H3-3.6-07	Hồ sơ, quyết định công nhận thư viện đạt chuẩn	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bội Xuyên, Sở GD&ĐT Hà Nội	
145.	H3-3.6-08	Hình ảnh hoạt động của thư viện	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	NV Thư viện	

146.	H3-3.6-09	Báo cáo và phương hướng công tác thư viện.		NV Thư viện	
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh					
147.	H4-4.1-01	Văn bản thành lập Ban đại diện CMHS lớp, trường (Có danh sách kèm theo)	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
148.	H4-4.1-02	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ HS.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Ban đại diện cha mẹ HS	
149.	H4-4.1-03	Biên bản họp Ban đại diện cha mẹ HS trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Ban đại diện cha mẹ HS	
150.	H4-4.1-04	Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban đại diện cha mẹ HS.	Từ năm học 2016 – 2017 đến năm học 2020 - 2021	Ban đại diện cha mẹ HS	
151.	H4-4.1-05	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
152.	H4-4.1-06	Danh sách các tổ chức cá nhân ủng hộ, tài trợ.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường					
153.	H4-4.2-01	Các văn bản của nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
154.	H4-4.2-02	Các văn bản, tư liệu, hình ảnh về việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước, ngành giáo dục; về mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục của nhà trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	

155.	H4-4.2-03	Kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và Công đoàn, Đội TNTP về công tác chăm sóc di tích lịch sử, thăm hỏi tặng quà gia đình chính sách, chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ....	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
156.	H4-4.2-04	Các hình ảnh tư liệu về lễ hội, công tác di tích lịch sử, thăm hỏi tặng quà gia đình chính sách, học sinh, chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ...	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
157.	H4-4.2-05	Danh sách học sinh nhận tiền, nhận quà hỗ trợ.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
158.	H4-4.2-06	Giấy chứng nhận cơ quan văn hóa.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	UBND huyện UBND TP	

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

159.	H5-5.1-01	Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học. Các văn bản chỉ đạo của Bộ, Sở, PGD	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Bộ GD&ĐT	
160.	H5-5.1-02	Sở nghị quyết cơ quan	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
161.	H5-5.1-03	Kế hoạch tháng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
162.	H5-5.1-04	Biên bản kiểm tra, đánh giá của PGD.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo	

163.	H5-5.1-05	Báo cáo của hội đồng trường về giám sát thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học					
164.	H5-5.2-01	Phân công chuyên môn, thời khóa biểu.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng, GV	
165.	H5-5.2-02	Lịch báo giảng của tổ khối, GV.			
166.	H5-5.2-03	Giáo án của giáo viên được phê duyệt.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	GV	
167.	H5-5.2-04	Sổ ghi chép nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn. (kế hoạch, biên bản của tổ)	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Tổ chuyên môn	
168.	H5-5.2-05	Sổ dự giờ.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
169.	H5-5.2-06	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng, GV	
170.	H5-5.2-07	Báo cáo chuyên đề, sáng kiến kinh nghiệm.	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên, tổ chuyên môn	
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác					
171.	H5-5.3-01	Kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	

172.	H5-5.3-02	Hình ảnh, video, tư liệu, các sản phẩm về các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
173.	H5-5.3-03	Sổ công tác Đội, hồ sơ Đội	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	TPT Đội	
174.	H5-5.3-04	Báo cáo việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
175.	H5-5.3-05	Bản đăng ký của học sinh tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp;	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
176.	H5-5.3-06	Hồ sơ các câu lạc bộ năng khiếu trong nhà trường	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục Tiểu học					
177.	H5-5.4-01	Kế hoạch phổ cập giáo dục	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
178.	H5-5.4-02	Kế hoạch, hồ sơ tuyển sinh hằng năm	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
179.	H5-5.4-03	Sổ đăng bộ, sổ phổ cập	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
180.	H5-5.4-04	Phần mềm phổ cập	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	
181.	H5-5.4-05	Hồ sơ phổ cập giáo dục Tiểu học		Trường Tiểu học Bột Xuyên	
182.	H5-5.4-06	Quyết định công nhận xã đạt chuẩn phổ cập GD	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	UBND huyện	

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục					
183.	H5-5.5-01	Phần mềm cơ sở dữ liệu csdl.moet.gov.vn	Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Trường Tiểu học Bột Xuyên	